

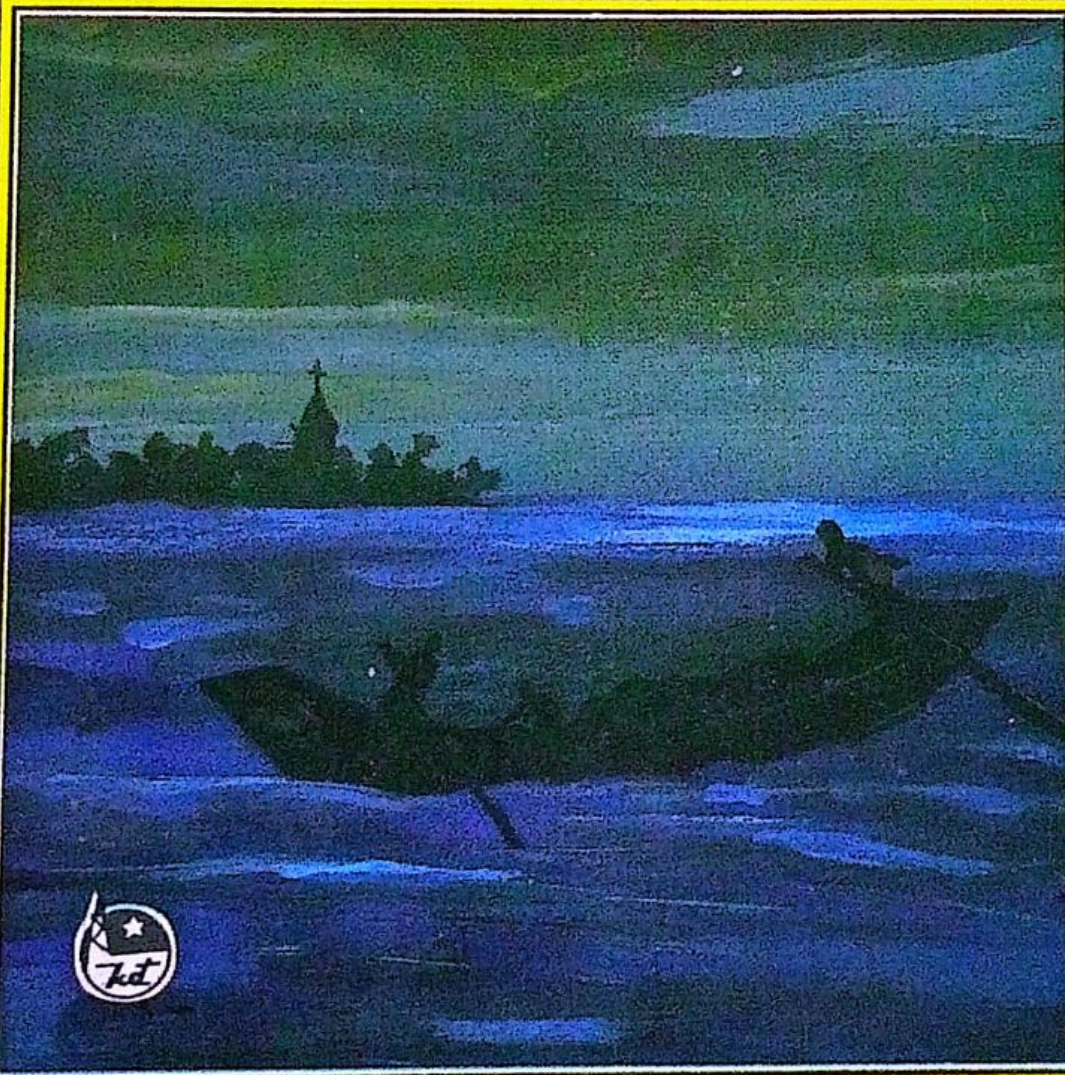
TÁC PHẨM CHỌN LỌC



DÀNH CHO THIẾU NHI

ANH ĐỨC

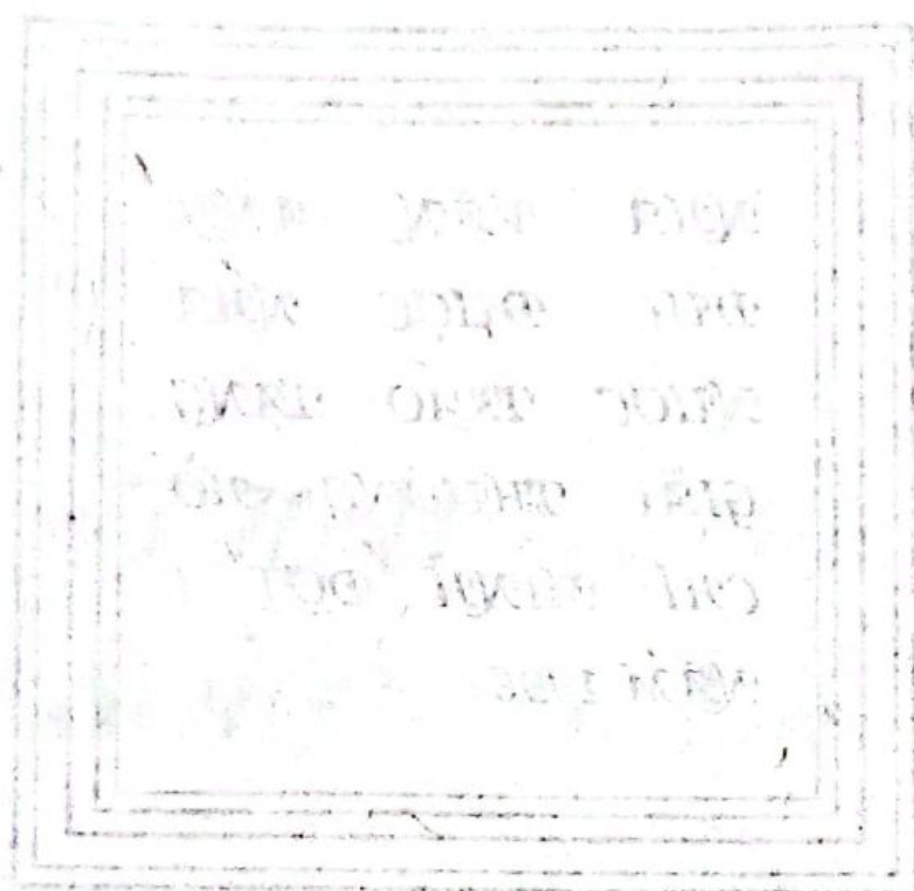
THUYỀN SẮP ĐẮM





TÁC PHẨM CHỌN LỌC
DÀNH CHO THIẾU NHI

THUYỀN SẮP ĐẰM



THUYẾT DẠY

NHÀ VĂN ANH
ĐÚC ĐƯỢC NHÀ
NƯỚC TRAO TẶNG
GIẢI THƯỞNG HỒ
CHÍ MINH ĐỢT 1
NĂM 1996

Bìa và minh họa : HỒ ĐÚC

ANH ĐỨC

*THUYỀN
SẮP ĐẰM*

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG
HÀ NỘI - 1997

THUYỀN SẮP ĐẮM

I

Năm một nghìn chín trăm bốn mươi tám vẫn chưa trôi qua hết. Tôi sắp sửa lên mười bốn tuổi. Đạo ấy quanh vùng tôi, bộ đội ta đang mở chiến dịch. Chị tôi đi tiếp tế cho bộ đội. Tôi và má tôi, với em gái tôi ở trong trại ruộng. Trại ruộng của tôi là cái lều lợp rơm cất dưới một cột vông trơ trọi giữa đồng. Quãng trên ba cây số

trước mặt trại là sông cái Cửu Long. Trong trại ruộng không có gì ngoài nồi niêu, lờ lợp, với mấy cái lồng chim bỏ trống. Sau gốc vông có buộc hai con bò. Một con của nhà tôi, một con của bác tôi mà má tôi mượn để kéo lúa với ba cái cộ⁽¹⁾. Đã mấy ngày rồi, tiếng súng ở mặt trận Hiệp An Thượng và Hiệp An Hạ cứ ì ầm dội tới.

Nhưng không may má tôi sau khi cùng tôi chở cộ lúa cuối cùng ngày hôm ấy về thì trong người hơi khó ở. Chiều đến, má tôi phải đi nằm sớm trong trại. Tôi đi hái các thứ lá nấu một nồi nước xông cho má tôi. Tôi hơi lo, sợ má tôi đau luôn. Lẽ khác, vì đau nên hồi chiều má tôi không dắt tôi với em tôi đi hái sen được. Mà ngày mai, rất có

(1) Một loại xe làm bằng tre, bò kéo trượt chứ không có bánh.

thể tôi sẽ không đi bắt chim áo già được. Mấy hôm nay chim áo già mò tới đông lắm rồi. Mọi thứ dụng cụ bắt chim, tôi đều chuẩn bị sẵn sàng. Nào là mủ sa-kê⁽¹⁾ với cây chấm chim, nào là lồng nhốt với những ống trúc chứa gạo giã sẵn. Chim áo già, ôi, chúng nó hấp dẫn rủ rê tôi làm vậy. Cả bấy hàng mấy trăm mấy nghìn con chim màu nâu sà xuống ruộng lúa đang gặt dở, mổ ăn lúa chín, khoái chí lú lo với nhau. Chúng nó chưa biết tôi đang rình rập chúng nó. Ban ngày, mỗi chuyến đánh bò kéo cộ lúa về làng, tôi đều có ghé qua cây sa-kê nhà chích thêm mủ. Mủ sa-kê thiệt là thứ phép lớn chứ chẳng chơi. Khi nó dính thì chim không thể nào rút

(1) Loại cây giống như mít. Quả nấu canh ăn được. Thân cây có nhiều nhựa rất dính.

chân rút căng ra được. Cho đến ban đêm, tôi cũng hay đi vào giấc mơ bắt chim áo già.

Nhưng tôi vẫn lo. Má tôi chớm đau rồi. Sau khi nấu nước xông, tôi ra ngồi trước cửa trại lấy rơm đánh một con cú⁽¹⁾. Chiều tà. Mây trắng bay tới ra như bông xé trên trời xanh. Mai lại nắng to đây. Thế nào chim cũng đến đây đông cho mà coi. Tôi đang nghĩ bụng như vậy thì con My em tôi ở trong trại đứng đĩnh đi ra. Nó đến leo lên lưng tôi mà cười ngựa. Nó thích bắt tôi làm ngựa cho nó cười lắm kia. Đương lúc bận bịu lo lắng, tôi nói :

- Thôi đi, tao đang tức mình đây!

Con My tụt nhẹ khỏi lưng tôi. Nó ngồi chúi xuống đồng rơm bên cạnh tôi nhỏ nhỏ nói :

(1) Cái mồi lửa bện bằng rơm.

- Má đau rồi, làm sao đi hái sen được.

Nghe nó nói, tôi đang bực mình tôi cũng phát tức cười. Bông sen, thứ đó thường khi tôi lội vô lung⁽¹⁾ hái một hai trăm cái còn được. Nhưng tôi đâu có ham. Mấy đứa con gái nhỏ sao nó thích quá chừng. Nhớ đâu có lần tôi hái về cho con My có ba cái bông sen mà nó dám đưa ngay cho tôi một cái bánh bò lớn. Nó ngửi bông, hít hít cánh mũi nhỏ, kêu "Thơm quá, thơm quá!", coi bộ mừng lắm.

... Trời sắp tối. Muỗi dậy trong lung, trong đìa bầu⁽²⁾ nghe như sáo thổi. Tôi đánh xong con cú thì trời nhòa tối. Má tôi nằm trong trại cất tiếng hỏi :

(1) Hồ nước ở giữa đồng.

(2) Những ao hồ nhỏ.

- Hai đứa dâu rồi... Đốt đồng un lên chưa, hử con ?

- Dạ, con đang đốt đây - Tôi đáp.

Con My xách cái thúng ra chỗ rê lúa ban ngày xúc một thúng trấu khệ nệ bung về. Tôi dỡ thúng trấu, đổ xuống vạt đất ẩm khói trước trại. Rồi tôi chui vô trại mò tìm cái bật lửa, đem ra bật đốt cho con cúi cháy rốn một quăng và giúi vào đồng trấu.

Trấu khô và lúa lép bắt phải mỗi lửa, cháy ngùn. Tôi nhét bật lửa vô túi, ngồi im ngó cái vùng lửa trấu cháy rộng ra dần. Chốc chốc tôi quơ tay lên không, vớ luôn một lúc được bốn năm con muỗi. Con My cứ vỗ lép bép lên đùi lên má. Giữa lúc ấy, bỗng nhiên nó dừng tay đập muỗi, nhích sát vào người tôi, giật cánh tay tôi :

- Anh Bảy ôi, nghe kìa... Có ai hú ở trong đồng.

- Lão. Em sợ ma nữa rồi.

- Thiệt, có tiếng hú thiệt mà...

Con My vừa bấu chặt tay tôi vừa nói. Tôi vẫn không tin. Nhưng thấy con My có vẻ sợ thực, nên tôi nghĩ bụng : "Có thể nó nghe thấy tiếng gì chăng ?" Và tôi cũng chú ý lắng tai. Một chốc sau, cách đó chừng năm phút, tôi nghe một tiếng "hu... hú..." nổi lên từ phía cánh đồng giáp lộ đá. Tiếng hú kéo dài, lan trên đồng tối, nghe về cuối như cái ống sáo thổi hết hơi. Tôi cũng hơi chột dạ, mặc dù từ trước tới nay tôi vẫn tự cho rằng tôi gan nhất nhà. Bây giờ nghe thấy, đã sờ sợ, nhưng tôi làm tỉnh, nói :

- Có, tao có nghe tiếng hú. Nhưng làm gì mà bám tao như

đĩa đeo thế này. Xê ra, để tao coi coi...

Dứt lời tôi đứng dậy hướng về phía nổi lên tiếng hú ban này. Thì vừa lúc đó, tiếng hú lại vọng lên, nghe gần và rõ hơn. Là quá. Đêm hôm tăm tối giữa đồng không mông quạnh này, ai mò đi đâu mà hú ré om sòm vậy. Có lẽ là mấy người ở Thới An đi đặt trúm⁽¹⁾. Hoặc là dân xóm Lộ Đa đi đặt lộp⁽²⁾ đêm. Nhưng không có lý. Mấy người đi câu trúm, hay đi đặt lộp đêm thấy đều quen với nhà tôi. Cái trại ruộng của tôi đây họ ghé như cơm bữa, khi thì cho má tôi con cá con tôm ngon, khi thì gọi tôi dậy thổi lửa nướng tôm, nướng rắn cho

(1) Ống đặt lươn.

(2) Dụng cụ bắt cá dân bằng tre, có hom ở hai đầu.

họ uống rượu, búng đờn kìm⁽¹⁾ hát vọng cổ. Tóm lại là mấy người đó họ thừa biết cái trại ruộng của tôi ở hướng nào rồi, cần gì họ phải hú lên làm chi. Với lại tiếng hú nghe chừng khẩn thiết lắm. Như vậy chắc là người lạ rồi. Tôi nghĩ bụng : dù quen hay lạ cũng phải trả lời. Hễ đi ruộng, đi rừng, nghe ai "hú" là mình phải "ì" đáp. Nhưng tôi lại nghĩ rằng má tôi thường dặn giữa lúc này con nít cũng phải để ý người lạ mặt, tụi việt gian trà trộn vô làng xóm, nên tôi phân vân chưa dám "ì" lại. Tôi liền tót vô trại. Con My đã vào ngồi ngay bên má tôi tự bao giờ. Má tôi lau mồ hôi trên vầng trán đỏ bừng vì sốt, hỏi tôi :

(1) Loại đàn gàn giống như đàn nguyệt.

- Cái gì đó, Bầy ?

- Có người ở cuối đồng gọi, má à.

Tôi vừa đáp, thì tiếng hú nổi lên. Má tôi cũng nghe thấy.

- Chà... ai vậy kia. Chắc là họ đi lạc đó thôi. Bầy, con lên tiếng trả lời cho người ta đi !

Tôi chạy ra khỏi trại, đến đồng rạ leo lên. Đứng trên đồng rạ cao, tôi bắt tay lên miệng "ì" một tiếng rõ thực to và dài. Tiếng hú liền nổi lên, rõ hơn, chừng như cũng không xa lắm, nghe có vẻ kêu cứu. Có điều hơi lạ là tiếng hú gọi đó vẫn ở nguyên chỗ cũ chứ không thấy đi gần tới. Chắc có chuyện gì rồi đây. Nghĩ thế, tôi hơi sợ, nhưng lại càng muốn biết coi có chuyện gì. Cứ như cái tiếng hú đó thì tôi đoán người

hú chắc là người ngay chứ không phải kẻ gian. Vì nếu như kẻ gian, nói trắng ra là tội Việt gian theo Tây thì đời nào nó kêu như thế. Nó mà không biết ở đây là vùng Việt Minh hay sao ? Tôi nghĩ vậy, và nổi sợ bớt đi đến bảy phần. Từ trên ngọn đồng rạ, tôi nhảy phóc xuống, chạy đến đồng trấu un. Cái con cúi cháy được hơn một gang tay. Tôi vớ con cúi tháo đầu rơm cho toe ra để làm đuốc. Tôi thổi con cúi cháy bùng lên, rồi rón rén bước ra sau trại, nhằm hướng có tiếng hú ban này tiến bước. Nhờ có lửa đuốc, tôi tránh được những hố chân trâu sâu hoắm ở dọc đường. Đi được mấy bước tôi nghĩ bụng "Phải tắt lửa mới được !" Tôi liền thổi phụt ngọn đuốc và gí đầu đuốc còn cháy xuống đất cho tắt hẳn. Đuốc tắt rồi,

trời tối đen. Nhưng chỉ một chốc sau tôi quen mắt ngay với đêm tối. Nhờ có sao mọc lấp lánh trên trời nên tôi đi cũng dễ dàng.

Tôi lội qua một cái lung sen cạn, trong tay vẫn giữ ngọn đuốc đã tắt. Mới bơi qua được tới bờ lung, thành lình tôi nghe thấy tiếng người, đâu như là hai người đang nói chuyện với nhau. Gió ngang, nghe câu được câu không, tôi liền bò xéo sang bờ lung bên kia. Nhờ gió xuôi, tôi nghe rõ tiếng một người nói :

- Hiếu, Hiếu làm sao thế... Hiếu mệt lắm rồi à. Thôi dừng lại, dừng lại... Hiếu đặt Trục xuống nghỉ một chút đi...

Người kia hỏi, giọng dứt quăng, chen với hơi thở :

- Sắp... sắp tới... chỗ... chỗ có khói... bay lên chưa, hả Rở ?

- Sắp tới rồi... Để tôi coi coi. Chà, mới thấy đuốc đốt lên giờ sao lại tắt rồi kia ?

- Thôi... ta nghỉ một chút rồi đi... Tôi... Tôi... hơi chóng mặt một chút thôi... Sắp hết rồi... Rở... Rở đặt Chín xuống, lại coi... coi... mắt tôi... còn chảy máu không ?

Tôi nghe đến đây vụt bấu cổ, nhồm đầu lên bờ lưng. Xa xa tôi thấy có mấy bóng người.

Mắt chảy máu, sao vậy ? Thôi, chắc là bộ đội mình rồi. Có lẽ là bộ đội ở chiến dịch bị thương. Nhưng sao lại về đường này ? Tôi đang tự hỏi và đoán thế chợt nghe người ban nãy nói tiếp :

- Máu chỉ còn chảy ri rỉ thôi... Mặt Hiếu dính máu, Hiếu ngồi đây để tôi đi lại đằng lưng sen trước

mặt coi có nước tôi lấy về rửa mặt cho Hiếu, nghe.

Người ấy nói xong đi về phía tôi. Tôi vội thụp xuống. Anh đó đi đến bờ lung, ở phía bên kia, quờ chân xuống. Tôi nghe anh lẩm bẩm :

- Cạn rồi.

Và anh đứng dậy. Nhờ ánh sao, tôi thấy một anh vóc vạc hơi lùn, mặc quần áo bộ đội, trông chắc nịch như một gốc cây. Giả thử như sức tôi bất thành linh, xô mạnh cũng chưa ắt đã chuyển mình anh nổi. Tôi nghĩ bụng : "Anh này tên là Rở đây".

Anh đứng một lúc rồi quay lưng đi. Về chỗ ban nãy, anh nói giọng nhẹ nhàng :

- Lung cạn khô... Thôi, một chốc

đến đảng kia... Thế nào cũng có nước...

- Thôi, đi... đi đi Rở... để tôi vác Chín.

- Hiếu đỡ mệt chưa ? Nếu còn mệt thì nghỉ một chút nữa.

- Tôi khỏe lại rồi. Rở... xóc Chín lên vai cho tôi.

Tôi nghe đến đây liền định nhồm dậy chạy lại ngay. Nhưng sợ làm thế các anh ấy giạt mình, trước hết là nguy cho tôi, vì họ có súng, họ giạt mình bóp cò thì rồi đời. Thành ra tôi lên tiếng bằng cách húng hắng một cái, rồi nhồm dậy. Đảng kia có tiếng quát :

- Ai ? Đứng lại !

- Tôi.

- Tôi là ai ?

- Tôi ở đảng trại ruộng.

đến đằng kia... Thế nào cũng có nước...

- Thôi, đi... đi đi Rở... để tôi vác Chín.

- Hiếu đỡ mệt chưa ? Nếu còn mệt thì nghỉ một chút nữa.

- Tôi khỏe lại rồi. Rở... xốc Chín lên vai cho tôi.

Tôi nghe đến đây liền định nhồm dậy chạy lại ngay. Nhưng sợ làm thế các anh ấy giạt mình, trước hết là nguy cho tôi, vì họ có súng, họ giạt mình bóp cò thì rồi đời. Thành ra tôi lên tiếng bằng cách húng hắng một cái, rồi nhồm dậy. Đằng kia có tiếng quát :

- Ai ? Đứng lại !

- Tôi.

- Tôi là ai ?

- Tôi ở đằng trại ruộng.

"A..." Anh tên Rở kêu lên và chạy đến. Sau khi nhận ra tôi không phải là người lớn, anh hỏi :

- Em ở trại ruộng một mình à ?

Tôi đáp là ở đằng trại còn má và em tôi. Anh kéo tay tôi tới một khoảng đất. Thấy một anh đang cồng một anh, còn một anh kia thì nằm bệt trên cỏ. Anh Rở nói :

- Các anh ở mặt trận về. Có ba anh bị thương. Hai anh không đi được. Còn một anh... đi được, anh Hiếu đây, nhưng anh Hiếu bị thương ở mắt, vì trúng đạn dùm dùm... Từ hồi xế chiều tới giờ, anh cồng anh Trức đi trước, anh Hiếu cồng anh Chín cứ vịn chéo áo anh mà đi. Đi từ Hiệp An Hạ...

- Em nằm dưới lưng, em có nghe mấy anh nói chuyện với nhau.

- Thế à.

Tôi bước tới chỗ anh bị thương đang nằm, cúi nhìn. Và tôi đến trước mặt anh Hiếu. Bây giờ anh Hiếu vẫn còn công anh Chín trên lưng. Tôi đứng trước mặt anh, nhưng anh không thấy tôi. Tôi run run nhón gót lên nhìn. Trong ánh đêm nhờ nhờ, tôi thấy làn vải băng buộc ngang hai mắt anh đen sẫm. Máu. Máu từ trong mắt anh chảy ra. Trời ơi, sao anh lại thế này ? Sao anh lại còn đi được, vẫn còn công một anh nữa mà đi ? Mí mắt tôi cay quá rồi. Tôi sắp khóc mất. Tôi đưa tay nhẹ nhẹ sờ tay anh Hiếu, nghẹn ngào kêu : "Anh ơi !..."

- Ai đây ? Em nhỏ ở trại ruộng đây phải không ? Sao, sao em khóc... Tôi đã chết đâu mà.

Anh Hiếu nói. Tôi quệt nước mắt. Bụng dạ tôi nôn nao cả lên. Tôi ngẫm nghĩ tìm cách thế nào đưa mấy anh về trại nhưng nghĩ chưa ra. Giữa lúc đó, chợt con bò Chảng dẫu trại tôi vùng ngáp rống một cái. Tôi mừng quá, bảo anh Rở:

- Bây giờ các anh ở đây...

- Sao ?

- Em về dắt trại... một chút xíu thôi, em sẽ đánh cộ bò lại. Má em đau... còn em của em, nó nhỏ tí tẹo thôi...

Anh Rở nghe tôi nói thế thì ôm lấy tôi có vẻ mừng lắm. Đoạn anh buông tôi ra, bảo :

- Được. Vậy thì em về trại đi. Rồi mau mau trở lại nghe !

Tôi gặt dẫu, bật lửa đốt lại đuốc và quay lưng đi như chạy. Dọc



đường tôi sụp mấy lỗ chân trâu ngã lăn, nhưng không thấy đau.

Về tới trại, tôi vừa thò đầu vô cửa thì em My rú lên một tiếng. Má tôi vuốt tóc trán dầm mồ hôi, lo sợ hỏi tôi từ nãy giờ đi đâu mà gọi mãi không thấy đáp. Tôi vừa thở hổn hển vừa kể lại cho má nghe tất cả mọi sự. Má tôi kêu lên :

- Trời ơi... Té ra bộ đội mình bị thương à ? Làm sao bây giờ ?

Má tôi gượng bấu tôi đứng dậy. Nhưng ra chưa khỏi cửa thì má tôi đã xây xẩm, lão đảo. Tôi phải dìu má tôi trở lại ổ rơm. Má tôi mím môi hỏi :

- Mấy ảnh ở cách đây có xa không ?

- Không xa, quá lưng sen một chút, nhưng mấy ảnh đuối quá. Thôi, má cứ nằm nghỉ, để con...

- Mày làm sao mà đưa anh em về đây được ?

- Con bắt bò đóng cộ tới chỗ mấy ảnh.

- Ờ, phải da. Mau lên đi !

Tôi liền bước tới góc trại vác cái ách, thót ra khỏi cửa.

Khi tôi mang cái ách lên cổ con Chạng thì nó kêu "ừm... bò" mấy tiếng, dường như biết có chuyện phải đi rồi. Tôi âu yếm đưa tay phải vỗ mát lên hông nó mấy cái, còn tay trái tôi nắm sợi dây vàm⁽¹⁾ mũi dắt nó đi xăm xăm tới chỗ để cộ. Tôi chọn một chiếc cộ chắc nhất, kéo tay càng cộ mắc vô ách. Trong loáng cái tôi đã đóng xong cộ.

Tôi leo lên cộ, giựt vàm mũi. Con Chạng kéo cái cộ chạy rườn tới

(1) Dây thừng xỏ qua mũi bò.

như không. Chợt tôi vồ dết lên đùi một cái. Chết rồi. Sao tôi lại quên không lót rơm lên cộ nhỉ ? Người bị thương nằm lên vạt tre cộ cần lắm. Tôi lập tức "họ" bò dừng lại. May mà mới đi được có vài đường cộ. Tôi vội vội vàng vàng chạy tới đồng rơm ôm luôn mấy bó to đến trải lên cộ. Xong xuôi tôi mới ngồi lên, hất nhẹ một nhành roi.

Cộ chạy băng băng. Vành cộ lướt ràn rạt trên những chân rạ vừa mới cắt. Chuột đồng ban đêm ở hang lên ăn lúa bị động, chạy hoảng, kêu chí chöhe. Chắc mềm thế nào cũng có con bị cộ kẹp chết.

Cộ xe tôi chạy tới đầu bờ lung sen. Không thể nào quất bò chạy càn qua lung được. Vì lung sen mới càn, chân người đi được chứ chân bò đi bị thụt ngay. Tôi đành giật

và cho con Chàng kéo cô dạo vòng qua mé tay phải. Còn mấy đường cô nữa mới đến, nhưng anh Rở đã đứng đón trước. Tôi "hò" bỏ dừng lại. Anh Rở khen tôi đi chổng. Tôi cứ tưởng tôi đi chậm, vì nếu không quên rơm thì tôi còn có thể đi mau hơn nữa. Anh Rở nhìn cái cô, nói :

- Tốt quá... Thôi để khiêng hai anh bị thương lên với anh Hiếu. Còn tôi đi bộ theo sau.

Tôi nói :

- Anh lên luôn cũng được mà. Cô vững lắm.

Anh Rở lắc đầu :

- Không nên, để mấy anh nằm rộng, cho được êm hơn. Tôi đi bộ được rồi. Tôi với anh Rở khiêng anh bị thương nặng nhất ở bụng là anh Trục lên cô, rồi tới khiêng anh



Chín. Máu từ vết thương hai anh giãy vào tay tôi, vào áo tôi. Tôi không còn biết sợ là gì nữa. Xong, anh Rở đến cầm tay dìu anh Hiếu lại. Nhưng anh Hiếu nói :

- Cộ có chậi lắi không... Nếu chậi thì Rở dìu tôi đi, tôi đi được.

- Không, cộ còn rộng, Hiếu lên đi.

Nói xong anh Rở đỡ anh Hiếu lên cộ.

Anh Rở giục :

- Em lên đánh cộ đi. Có phải trại ở ngay chỗ khói bay lên kia không ?

- Phải.

Tôi đáp và leo lên cộ. Lần này tôi không đánh bò đi nhanh vì sợ cộ xóc làm vết thương các anh ấy bị động đau. Tôi cho bò đi chậm, cố

nhớ những chỗ lồi lõm trên mặt ruộng để tránh. Thành thử anh Rở đi sau cũng theo kịp. Tôi có ý cho bò đi vừa phải để chờ anh. Anh đi không bị vấp một cái nào cả. Khẩu tiểu liên anh khoác trên vai thỉnh thoảng lại va nhẹ vào mấy băng đạn bên hông khua lắc cắc. Đi ngang những đụn lúa mới gặt, anh đưa tay vạt một bông lúa cho vào miệng nhá và lẩm bẩm nói những gì tôi nghe không rõ. Có lúc cộ xe vô ý kéo vương ra đường một bó lúa. Tôi chẳng để ý lắm, nhưng anh Rở dừng lại nhặt bó lúa ném trả vào đụn cũ của nó, xong rồi mới vội đi theo cộ. Tôi nghĩ bụng : "Chắc hồi trước anh có mần ruộng".

Dọc đường dẫn tới trại, cộ đi chậm nên không nghe chuột đồng

hoảng hốt kêu chí chóc nữa. Bỗng anh Hiếu ngồi sau lưng tôi hỏi khê :

- Em ơi, em tên chi ?

- Dạ em tên là Bảy.

Anh Hiếu im đi một lát, rồi nói :

- Em Bảy này, em thấy các anh bị thương chắc em sợ lắm phải không ?

- Không, em không sợ.

- Thế lớn lên em đi bộ đội chứ ?

- Em muốn đi từ lâu lắm.

Anh Hiếu sờ soạng bàn tay tới trước, đụng lưng tôi. Tôi để yên cho anh vịn vai tôi. Tôi lấy làm lạ về chỗ anh Hiếu đã bị thương cả hai mắt như thế mà sao anh vẫn tỉnh, vẫn hỏi chuyện tôi. Tôi càng thêm thương anh quá. Bây giờ tôi nghĩ nếu anh ngỏ ý muốn cái gì tôi có,

tôi sẽ cho anh hết, nếu sức tôi làm được tôi sẽ cố làm cho vừa lòng anh. Ước gì ngay bây giờ tôi có thể bay tới vườn cam nhà để chọn hái cho anh Hiếu và hai anh đây những quả cam chín to nhất. Tôi nghĩ thế. Và im đi với mỗi xúc động trong lòng, tôi vung nhẹ roi cho cộ đi nhanh hơn. Đã ngó thấy dạng cây vòng trại. Tôi đánh cộ rướn lên một bờ mầu mấp mô. Bỗng cộ xe nảy xóc lên một cái. Một anh nằm sau cộ kêu : "Ồi... Ôi...". Tôi vội vàng ghệt bò dừng lại. Nghe tiếp theo một tiếng rên ri rỉ. Dường như tiếng rên bị đôi môi cắn chặt lại nên chỉ bật ra rất khẽ. Tôi cắn răng không dám thở, mà cũng không dám đánh bò đi rần tới nữa. Anh Rở ở sau chạy đến cúi xuống bên cộ. Anh bảo tôi cứ cho cộ đi tới. Tôi sợ nếu đánh

bò đi tới có thể xóc nữa lắm, nên nhẩy xuống cộ, bước tới nắm sợi dây vằm mũi đất bò đi.

Một chốc sau chúng tôi về đến trại. Con My trong trại nhắc trông thấy liền kêu :

- Má, anh Bảy về !

Má tôi gượng dậy, kêu đĩa đèn cho cháy sáng hơn. Tôi chạy vào nói :

- Má ơi, con chở mấy ảnh về tới rồi. Con đem mấy ảnh vô trại nghe má ? Anh Rở vừa lúc đó cũng chạy tới chào má tôi và nói :

- Thưa thím, chúng tôi là bộ đội ở mặt trận về, có mấy anh bị thương định ghé nhờ thím cho chúng tôi nghỉ tạm đây một chốc rồi đi.

- Đi đâu nữa, đem anh em vô đây ! - Má tôi nói.

Tôi trở ra ngoài. Tôi dìu anh Hiếu vào trước rồi cùng anh Rở ra khiêng hai anh vào trại đặt lên ổ rơm có lót chiếu do má tôi và con My mới dọn. Bây giờ có đèn mới thấy rõ người anh nào cũng bê bết máu. Máu mới chảy ra và máu cũ khô bết lại. Nhìn những bộ quần áo bị rách toạc nhiều chỗ, máu dính lẫn với bùn đất, tôi mừng tượng tới những trận chiến đấu dữ dội đã xảy ra và cái chặng đường gian nan các anh ấy đã bò lê, dìu đỡ nhau để mãi bây giờ mới đến được đây. Má tôi sờ rằm hai anh, kêu trời kêu phật liên miện. Rồi má tôi nhìn anh Hiếu, khóc ròng. Anh Rở nói :

- Nói thiệt với thím chúng tôi ở đây không được lâu đâu. Anh em bị thương nặng, thế nào cũng phải

đưa anh em qua sông đến quân y viện trước khi trời sáng.

Má tôi nói :

- Chắc là anh em chưa ăn cơm nước gì phải không ? Má tôi bảo tôi :

- Con đi vo gạo nấu cơm đi, Bầy !

Tôi chạy đi lấy nồi xúc gạo. Con My đi nhóm lửa. Bắc cơm lên bếp rồi tôi chạy ra lu rộng cá quờ tay lựa bắt một con cá lóc⁽¹⁾ to nhất.

Tôi chất rơm nướng cá. Lúc còn My chất nước nồi cơm thì con cá tôi nướng cũng vừa bốc mùi thơm phức. Tôi gạt lửa lấy cá ra, cầm que cời than vẩy trên mình con cá. Chúng tôi chuẩn bị một bữa ăn gấp rút. Nó đơn sơ như một bữa ăn mà chúng tôi vẫn thường ăn trong

(1) Cá quả.

đồng. Má tôi cầm tay dắt anh Hiếu tới bên mâm cơm rồi đi lấy phần nước cơm pha với đường mía dút từng thìa vào miệng mấy anh bị thương.

Khi anh Rở với anh Hiếu ngồi ăn cơm thì tôi ngồi bên cạnh xới từng bát cơm cho các anh. Má tôi mệt nhọc ngồi dựa lưng vào ổ rơm. Anh Rở ăn vẻ trầm tĩnh. Anh Hiếu cũng thế. Má tôi lại khóc. Anh Rở gác dũa lên miệng bát nhìn má tôi nói :

- Thím đừng khóc... Có gì đâu, đánh Tây bị thương là thường. Mình bắn nó, nó cũng bắn lại mình chớ. Nhưng thím nè, mình chết một nó chết mười. Mấy hôm nay xe chúng nó chở xác chạy về Cần Thơ nườm nượp thím không biết sao ?

Má tôi lau nước mắt :

- Tôi biết... Tây nó chết là đúng, nhưng đảng mình... Cầu trời khẩn phật cho bộ đội mình đừng có ai bị sút mẻ gì hết tôi mới yên bụng.

Nghe má tôi nói, tôi vừa hơi ngượng vừa buồn cười. Anh Rở nói mới phải. Mình bắn trúng Tây thì Tây nó cũng có thể bắn trúng mình chớ. Má tôi động đến chuyện gì cũng hay "cầu trời khẩn phật". Không có mặt ai thì thôi, chớ có mặt người khác, mà người đó lại là bộ đội hoặc cán bộ thì tôi ngượng muốn chết được. Nhưng tôi không nói gì hết. Anh Rở cũng không để ý. Bấy giờ trông anh dường như vui lên, dường như ngồi trong cái trại này anh cảm thấy ấm áp gần cận lắm. Tôi nghĩ : Có thể ở nhà ảnh cũng thường ra trại ruộng với má ảnh và em ảnh lắm chứ. Vì cứ coi

đôi mắt anh nhìn thì đủ biết. Ngồi ăn cơm, anh Rở hết nhìn những chiếc liềm hái mắc trên vách, lại chăm chăm ngó cây mủ sậy. Hết nhìn con My, lại nhìn má tôi, đôi mắt anh hấp háy chừng như có một hình ảnh thân quý nào giống tợ như má tôi hiện đang trôi dạt trong đầu anh.

Cơm nước xong rồi, anh Rở bước ra trại đi tới đi lui. Một lúc sau anh vào hỏi má tôi :

- Thím ơi, từ đây ra bờ sông còn bao xa, thím ?

- Chừng ba ngàn thước... nhưng, anh em ở lại đây, sáng hẵng đi !

Anh Rở lắc đầu :

- Không được đâu, chúng tôi phải đưa anh em đi thím à !

- Đêm hôm khuya khoắt thế này mà đi sao được.

Không chân chừ, tôi bảo má tôi :

- Má, để con đưa mấy ảnh đi ?

Má tôi chưa kịp đáp, thì tôi liên tiếp :

- Đến bến Bần con sẽ tìm chú Chín Tấn, ba thằng Đang chèo xuống đưa mấy ảnh qua sông.

Má tôi nhìn tôi, nhìn anh Rở, một lúc sau sức nhớ ra điều gì, liền bảo tôi:

- Con thử chạy qua trại ông Tư kêu ổng qua đây. Nhà ổng ở ngoài bờ sông, có sẵn xuồng. Nếu ông Tư cùng đi thì tốt lắm.

Tôi nhìn sang bên kia bờ mầu, phân vân nói :

- Bên trại ông Tư sao chẳng có đèn đuốc gì hết. Có lẽ ổng về xóm chưa vô.

- Con cứ chạy sang thử coi !

Tôi cũng hy vọng may ra có ông Tư ở trại thì việc đưa các anh thương binh qua sông được chắc chắn hơn. Tôi liền chạy ù về phía trại ông Tư. Gần tới nơi thấy trại tối mò, tôi thôi chí muốn quay về. Chợt nghe có tiếng động. Tôi đi tới. Lúc bước vô trại chân tôi giẫm phải một người nằm ngáng ở cửa. Tôi cúi xuống sờ đụng cái đầu trọc nham nhám thì biết ngay người đó là ông Tư. Nhưng trời đất ơi, ổng thở phả vô mặt tôi mùi rượu nồng nặc. Mùi rượu xông lên khắp gian trại. Thấy vậy tôi liền cầm cổ chạy một mạch quay trở về. Đến nhà tôi thuật lại cho má tôi nghe. Má tôi chắc lưỡi kêu trời. Tôi nói :

- Ông Tư ổng say quá rồi, ổng đi không nổi đâu má à.

Má tôi nói với anh Rở :

- Thôi, để em nó đưa anh em đi.

Anh Rở nói :

- Nếu thím cho em đây đi với chúng tôi thì tốt quá. Nhưng như vậy có phiền gì không ? Thím đau... đêm hôm ở trại chẳng có ai. Thôi, để tôi lội vô xóm nhờ xã đội dân quân điều người tới giúp cũng được.

- Không, để em nó đi. Chứ bây giờ còn lần vô xóm trình giấy trình tờ, cho họ biết rồi trở lại đây thì sáng mắt. Tôi sốt thường thôi, chẳng có sao đâu.

Má tôi day sang tôi, bảo :

- Bậy, con sửa soạn đi với mấy anh đi !

2

Chúng tôi lại khiêng hai anh thương binh và dìu anh Hiếu ra cộ. Con My cầm cái nón rơm chạy ra rón chân đội lên đầu tôi. Lần này tất cả đều lên cộ. Vì đi xa hơn, nên tôi thay chiếc cộ lớn và đóng bò đôi. Má tôi lấy hũn chiếc chiếu to đắp cho hai anh. Lúc lên đường thì sao đã mọc nhiều. Gió thổi ù ù cuốn rơm bay lả tả dưới trời sao. Tiết trời đêm hôm nay đến là lạ. Gió nổi, nhưng các vì sao vẫn mọc thêm, da trời vẫn xanh thăm thẳm. Đường xa, nên tôi cho bò đi nhanh hơn. Từ

trại ruộng ra bờ sông, trước nay có một con đường mòn, đi cũng được êm chứ không lồi lõm như trong ruộng. Chỉ ngại cái phải qua con kênh, cầu bắc ngang lại là cầu khỉ, cộ bò chắc phải lội nước. Tôi nói trước cho anh Rở biết trở ngại đó. Anh nói :

- Được, ta sẽ tính sau. Em cứ cho đi mau hơn một chút nữa đi.

Tôi nói :

- Sợ mấy anh bị xóc đầu.

- Đường êm, không sao.

Tôi quát nhanh roi lên lưng con Chạng, con Be. Hai con bò tương sức nhau kéo cộ chạy vượt tới trước. Gió ngược. Cái nón rơm rộng vành trên đầu tôi bị gió tốc suýt bay. Tôi giở nón ném xuống cộ. Nhưng anh Rở cầm lấy đội lên đầu tôi, nói : "Đội cho ấm đầu !" Thỉnh thoảng

anh Rở dóm lại chiếc chiếu trên mình hai anh. Anh Hiếu ngồi dựa vào lưng anh Rở, thỉnh thoảng đưa hai tay bưng lấy mặt.

Một chốc sau cô đã đi tới bờ kênh chắn ngang. Trên mặt kênh in bóng chiếc cầu khỉ vắt vẻo, mỏng manh. Tiếng cá ăn mống "ục ục" sôi động cả mặt nước. Tôi dừng cô bên bờ kênh. Anh Rở chạy xuống dò mực nước. Mặc dù lòng kênh cạn đến đầu gối, nhưng cô bò thấp tè, đâu có thể đánh bò chở các anh ấy đi bừa qua được. Chúng tôi đành phải xốc nhẹ từng anh trên cô xuống, khiêng qua kênh. Vất vả lắm, nhưng cuối cùng chúng tôi cũng đưa các anh sang bờ bên một cách êm thấm. Hai anh được đặt nằm trên bãi cỏ. Tôi lội trở lại đánh bò kéo chiếc cô không sang. Bò lội

nước nghe sồn sột. Ra giữa kênh, nước ngập tới gối chân bò. Còn cái cộ thì chìm ngập xuống nước. Tôi bị ướt cả. Đến bờ bên, tôi bước tới bãi cỏ. Anh Trục hồi tỉnh, ngược mặt lên bầu trời đầy sao, miệng phều phào :

- Tôi ở đâu thế này ?

Rồi bỗng nhiên anh chồm dậy thét :

- Súng của tôi đâu? Đưa súng cho tôi, chúng nó đến kia kìa... ha... ha, tới gần chút nữa. Đưa súng cho tôi !

Anh Rở cúi xuống nói :

- Trục, Trục. Chúng ta đã ra khỏi mặt trận rồi.

- Ra khỏi mặt trận ? Ai, ai cho phép anh đưa tôi ra khỏi mặt trận ?

Anh Trục nói xong vùng cất tiếng khóc hu hu. Tôi vội vàng ngoảnh mặt ra sau lưng anh Rở. Tôi khóc trong bóng tối. Anh Rở và tôi lại dìu anh Hiếu và đem hai anh lên cộ. Anh Trục thì phải đỡ dành mãi anh mới chịu cho khiêng lên. Tôi quệt nước mắt ngồi lên cộ, giục bò đi tới. Dòng kênh ở lại sau lưng chúng tôi, và tiếng cá lại "ục" sôi mặt nước (ở chính cái quãng mà chúng tôi vừa lội sồn sột qua ban nầy).

Đi một quãng nữa, chúng tôi đã nhìn thấy rặng cây bên Bần. Sau những thân cây Bần, dòng sông Cửu Long hiện ra lấp loáng như gương. Suốt quãng đường đồng cuối cùng dẫn đến bờ sông, hai anh Trục và Chính đều lần lượt tỉnh dậy. Không biết là tại gió hay là dòng sông từ xa đã tỏa hơi mát của

nó đến đánh thức cả hai anh dậy. Anh Hiếu đã quay lại, nhón đầu qua vai anh Rở, như muốn cố nhìn dòng sông qua lớp vải băng che kín mắt.

Tôi cho cộ bò đi chậm, rồi "họ" cho bò dừng lại. Quãng bờ sông quanh, chỉ có hai ngôi nhà nhỏ. Trước mặt chúng tôi là dòng sông menh mang, rì rầm chảy trong đêm. Quãng sông này rộng có đến ba cây số, bằng con đường bộ chúng tôi vừa đi. Từ bé đến lớn, tôi chỉ đi qua có hai lần. Một lần về thăm ông ngoại, một lần cùng thầy giáo, bè bạn đi thăm vùng lò gạch An Thạch Đông. Ban ngày ở bên này còn nhìn thấy rặng bần bờ bên kia dăng ngang như một sợi chỉ nhỏ. Còn ban đêm cái sợi chỉ ấy cũng biến đi, mờ tịt trong sương gió. Ngồi

trên cộ, tôi gác nhành roi lên đuôi con Chàng mà nhìn khoảng nước mênh mông như bể đó. Chẳng thấy bên bờ đâu là đâu.

Sau lưng tôi, cả hai anh Trục và Chín đều động dậy. Hai anh cất tiếng rên nho nhỏ và nhòm đầu lên. Anh Rở nói :

- Anh em, đã tới sông Cửu Long rồi !

- Rở... ở... nó... ói... thiệt... đó... chớ ?

- Kìa, sông kìa !

- A... à... Tôi... ngó... ó... thấy rồi !

- Anh ơi, anh ngó thấy rồi phải không ? - Tôi vui vẻ hỏi.

- Có cho... tôi... qua... sông... không ?

Anh Rở bảo :

- Chúng ta sẽ qua sông.

- Trờ... ời, cho... tô... i xuống...
sông... tôi tắm. Nóng... tô...i... quá. ..
Rở ời !

Câu nói khiến tôi rùng mình.
Anh Rở cúi nhìn vào gương mặt
người đồng đội của anh, như lặng
đi. Anh nói nho nhỏ :

- Không tắm được đâu Chín à.

- Không cho... tôi... uống, khô...
ông... cho... tô... ời... tắm, Rở... muốn...
gi...ết... tôi... thì... gi...ết... đi...

- Sang bờ bên kia tôi sẽ cho anh
Chín uống. Rồi Chín sẽ tắm.

- Ôi, tôi chết mất thôi... Mà kìa,
sao lại chưa sang sông. Đi đi. Lên
xuống rồi sao lại không chèo, ai
chèo lái đó, chèo mau...

Anh Chín đã mê sảng. Anh giơ
chân đập đập lên cộ. Anh Rở phải

giữ lấy chân anh. Anh Rở quay sang bảo nhỏ tôi :

- Em đi gọi chú Chín Tấn gì đó và mượn xuống đi. Tôi nhảy xuống cộ đi về phía ngôi nhà thứ nhất. Đó là nhà chú Chín Tấn. Đến nơi tôi đập cửa. Nhưng không ai trả lời. Tôi xô cửa thì thấy cửa đóng trái chặt quá, không tài nào xô được. Tôi ra cửa sau, hì hục nhấc tấm liếp bếp chui vào. Trong nhà tối om. Sức nhớ cái bật lửa hồi đầu hôm vẫn còn để trong túi, tôi móc ra bật lên. Vào tới trong, tôi ngó thấy thằng Đang, con chú Chín Tấn nằm ngủ mê man trên bộ ván gỗ. Tôi nắm chân nó giật một cái. Nó lăn qua, giụi giụi mắt rồi ngủ nữa. Cái bật lửa cháy lâu nóng muốn phỏng tay, tôi thôi đi. Tôi tiếp tục lay chân thằng Đang. Thành linh nó kêu oai

oái. Tôi nghĩ : "Thằng này tưởng ma". Tôi liền bật lửa cháy lên để nó nhìn thấy tôi. Nó vẫn hốt hoảng kêu oai oái. Tôi nói :

- Tao đây, tao là Bảy đây.

Thằng Đang dụi mắt. Sau khi nhận ra được tôi, nó ngồi nhồm dậy, hỏi giọng còn ngại ngủ và chưa hẳn tin :

- Mà đi đâu đây ? Thiệt mây hả, Bảy ?

Tôi tức cười quá, kéo lôi nó dậy, nói cho nó biết. Nó nói ba nó đi tiếp tế cho bộ đội rồi, sáng mới về. Lát sau, nó bảo tôi, giọng tỉnh táo, vui vẻ :

- Mà có ăn bánh tét⁽¹⁾ không ? Ba tao nấu bánh đem cho bộ đội có để lại cho tao hai đòn.

(1) Giống như bánh chưng, nhưng tròn và dài.

Tôi bực mình bảo :

- Ăn uống gì nữa. Đi lấy xuống cho tao. Mau mau đi, mấy anh bị thương nằm đợi ngoài bờ sông kia kia.

- Chết, xuống ba tao đi rồi !

Tôi thất vọng điếng người. Nhưng thằng Đang nói :

- Còn có chiếc ghe trần thôi.

- Vậy hả ? - Tôi mừng trở lại.

- Nhưng mà ghe bị chầy ở dưới lườn... vô nước lắm.

- Chầy nhiều không ?

- Dem gàu theo tát thì được.

Tôi nói :

- Đẳng nhà ông Tư có chiếc xuống chèo nào không ?

Thằng Đang lắc đầu :

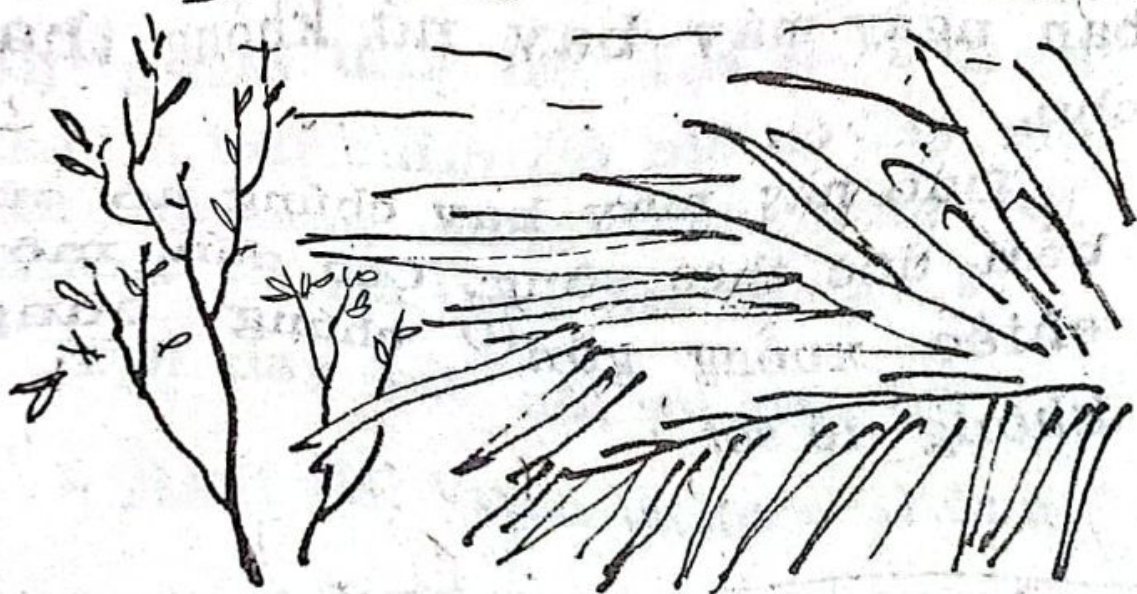
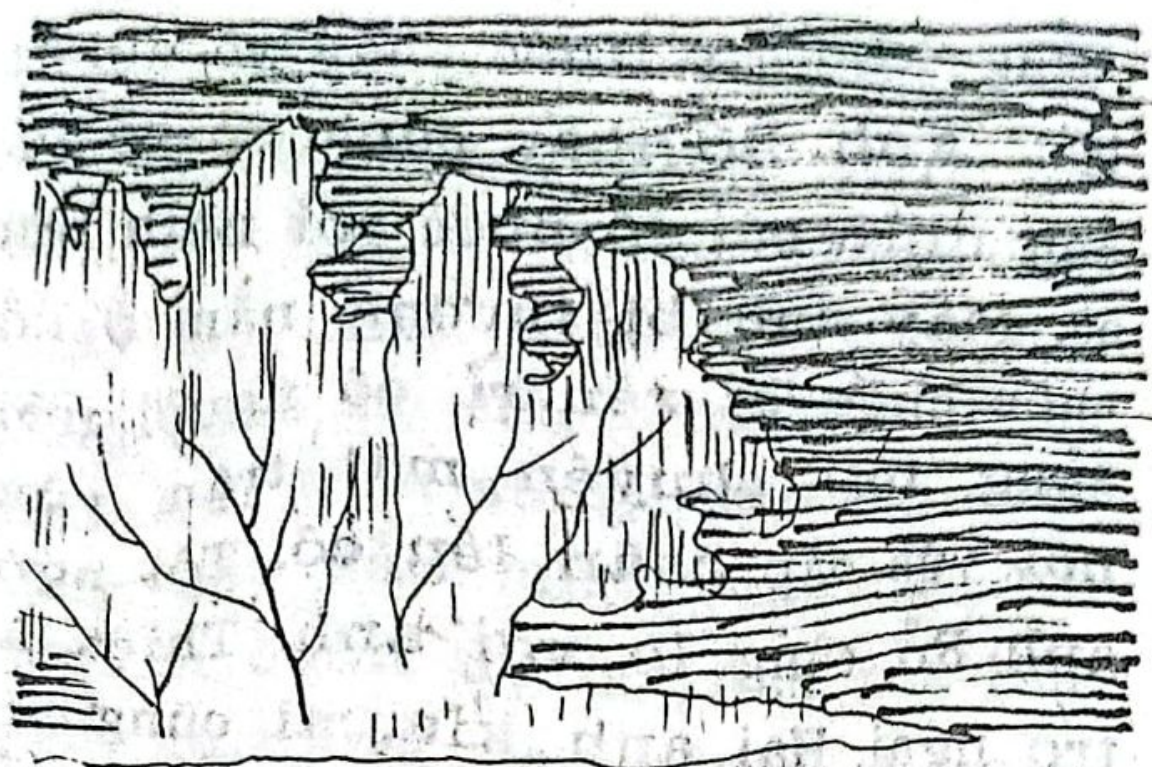
- Cũng đi tiếp tế hết rồi.

- Thôi, vậy thì đành lấy chiếc ghe của mày. Mau mau lên !

Tôi và thằng Đang cùng đi ra ụ ghe. Chiếc ghe vô nước cả đêm muốn chìm. Hai đứa tôi phải tát một hồi lâu rồi mới khom lưng đẩy ghe ra khỏi ụ. Chúng tôi giong ghe đi đến chỗ anh Rở đang đợi. Tôi nói với anh Rở là chiếc ghe bị chảy ở dưới lườn mà xung quanh đây chẳng còn chiếc nào nữa. Anh Rở bảo phải coi lại ghe vô nước có nhiều không. Thằng Đang rút rơm trên cộ làm một bó đuốc, đốt lên, dắt tôi và anh Rở xuống ghe. Nó bò men tới mạn lườn bên trái, chỗ gần sau lái, giơ đuốc lên gọi chúng tôi :

- Đây nè, nước vô quá ớn.

Dưới ánh đuốc, bây giờ tôi mới thấy rõ lườn ghe bị thủng một



mảng khá to. Nước chảy vô nhiều thật. Anh Rở thấy cũng có vẻ lo. Anh nhìn cái lỗ nước rồi nhìn lên bờ. Mấy anh bị thương nằm ở cộ chốc chốc lại rên rỉ, có người nói sảng, toàn chuyện mặt trận, vừa nói vừa đập chân lên cộ. Tôi ngó anh Rở, cùng lo với anh. Thiệt là trở ngại. Hai anh kia, ai cũng bị thương nặng cả, không thể nào để họ ở lại bên này sông tới sáng. Đợi sáng, ghe xuống bà con đi tiếp tế chắc về rồi đấy, nhưng sang sông ban ngày máy bay nó không tha cho.

Dạo này, máy bay chúng nó cứ bắn dọc theo sông. Cho đến một chiếc xuống gòn⁽¹⁾ chúng cũng không để sót.

(1) Xuồng bé chỉ chở được một người.

Vậy thì làm sao đưa mấy anh thương binh sang sông. Đêm mỗi lúc một khuya. Nước sông chảy ngày một xiết. Gió thổi trên mặt sông nghe hu hú. Những cụm lục bình trôi trên sông, gặp chỗ nước xoáy, đảo đảo mấy vòng rồi theo nước bị cuốn đi, xa dần, mất hút. Bỗng có tiếng vạc kêu xé, đục rền. Một con vạc bay qua đầu tôi, lướt dưới đêm sao. Đôi cánh con vạc đang thẳng, khum vồ, lướt sang bờ bên kia. Tôi nhìn theo bóng vạc, bụng thấy ưng ức. Tại sao con vạc chỉ là loại chim cò mà nó bay một hơi đã sang sông. Còn chúng tôi, chúng tôi mà thua con vạc ấy à.

Tôi day qua nói với anh Rở :

- Anh Rở chèo lái được không ?

Anh Rở đáp :

- Chèo lái à ? Được.

Tôi liền kéo tay thằng Đang nói với nó :

- Mà mày phải cùng đi với tao, Đang à. Qua bến, một mình tao không đem ghe về nổi.

Thằng Đang gật đầu ngay. Nó là một đứa hăng hái, hễ tôi đi là nó đi.

- Nhưng còn nhà, ai coi nhà ? -
Thằng Đang hỏi tôi.

- Cứ đóng thiệt chặt cửa lại. Ở đây làm gì có ăn trộm.

- Ừ. - Thằng Đang liền quay đi. Tôi dặn theo :

- Nhớ ra bờ ao móc một cục đất sét. Lửa đất dẻo móc nhiều nhiều nghe ! Và tôi nói với anh Rở :

- Vậy thì anh Rở chèo lái, em thủ chèo mũi. Thằng Đang lo nước.

Một lát sau thằng Đang trở lại, bỏ trong tay một cục đất sét to tướng. Thằng Đang nói :

- Đi xắm lại chỗ thùng.

Tôi gặt đầu, thổi cây đuốc rơm cháy lên, cùng thằng Đang xuống ghe. Thằng Đang lại nói :

- Xắm rồi thì qua sông vững.

Tôi nói :

- Phải qua cho được chớ !

Hai đứa chúng tôi, một thằng soi đuốc cho một thằng xắm, Hì hục mãi một lúc mới xắm xong. Rồi lại còn phải tát cho hết nước trong ghe. Tôi với thằng Đang một đứa cầm gàu múc, một đứa chuyên gàu đổ nước ào ào xuống sông. Hai đứa tôi tát rất hăng, vì đứa nào cũng nóng lòng muốn đưa mấy anh thương binh qua sông được sớm.

Không bao lâu nước trong ghe đã được tát cạn. Anh Rở đã quai chèo vào cột sẵn sàng. Chúng tôi đem mấy anh thương binh xuống.

Còn lại cái việc cuối cùng là chiếc cộ với hai con bò. Tôi với thằng Đàng tức tốc dắt cộ về nhà, cỡi ách, tháo bò. Thằng Đàng một mình bươn bã dắt hai con bò đem ra buộc ngoài chuồng. Con Be, con Chạng bị buộc vào chỗ lạ, cứ cằm chúi sừng quơ qua quơ lại mà kêu "ừm... bò" hoài.

Khi chúng tôi ra đến bờ sông, anh Rở cầm tay tôi và thằng Đàng nói :

- Hai em ơi, không biết hai em có nên đi không ? Anh chỉ lo...

- Không lo, hai đứa em đi được.

- Tôi nói.

- Hay là hai em ở lại, anh sang sông rồi cho người chèo ghe qua trả.

- Không. Trả ghe thì dễ thôi, nhưng chúng em phải đi với các anh. Mỗi đứa chúng em nặng không bao nhiêu, mà việc coi nước và việc chèo mũi lại là cần thiết.

- Kể ra có hai em đi thì tốt hết sức. Anh chỉ ngại là không có mặt ba má các em ở đây...

Thằng Đang nói :

- Anh đừng lo. Ba em có ở nhà chắc ông cũng không ngăn dẫu.

Tôi nói :

- Thôi, đi xuống ghe đi. Anh Rở coi kìa nước chảy xiết quá rồi...

Anh Rở ngẫm nghĩ một hồi rồi nói :

- Vậy thì hai em đi...

Đoạn anh trở vùng bên Bần bảo :

- Đây, chúng ta phải chèo sao cho ghe ở ngang ven cây này. Vì An Thanh Trung đối thẳng với bên Rân. Chèo trôi xuống ba cây số thì lọt vô vùng dịch An Thanh Tây đấy, các em rõ chưa ?

Tôi vốn đã biết An Thạch Tây là vùng dịch rồi, nhưng nghe anh Rở nhắc thêm thì bụng có hơi run. Chợt thấy thằng Đang chớp mắt ngó tôi một cái. Nó cũng ngần như tôi. Nhưng không đời nào chúng tôi nghĩ tới chuyện tháo lui. Tôi tự dặn bụng phải chèo mũi cho thiệt cứng. Chèo mũi vững thì giúp anh Rở gạt lái đúng hướng An Thanh Trung.

Chúng tôi lần lượt xuống ghe. Anh Rở xuống sau cùng. Ghe chúng

tôi tếch mũi ra khỏi bờ. Bến Bần
lùi lại. Đáng lẽ thấy sông ngày một
hẹp, đằng này đứng trước mũi ghe,
tôi thấy sông ngày một rộng thêm
ra.

3

Ghe chúng tôi đi ngược lên, cặp theo bờ chứ chưa bắt đầu đâm sang. Ghe không bánh lái, chèo lái một cây là rất khó, nhưng anh Rở chèo giỏi. Mũi ghe rẽ nước kêu róc rách, róc rách. Ghe từ từ hướng chéch dần ra sông. Rồi vẫn chèo đều mái mũi. Vừa chèo vừa nhìn tới trước không dám lơ dểnh. Tôi thấy mình như bé lại trên mặt sông mênh mông này. Bỗng dưng tôi nghĩ đến má tôi, chị tôi và em My. Bây giờ má tôi với em My chắc còn thức đợi tôi, và không hiểu tại sao tôi đi lâu

về như thế. Má tôi với em Mỹ có biết đâu giữa lúc này tôi đang qua sông. Lúc còn trên bờ thì tôi chưa nghĩ gì nhiều, đến chừng ra tới sông rộng, tôi mới cảm thấy hồ như tôi rời xa cái nhà và cái trại ruộng của tôi lắm rồi. Vượt qua một con sông lớn thế này, mấy lần trước thì khác, chứ bây giờ bụng dạ tôi nó cứ làm sao ấy. Trước kia sang sông tôi chỉ có việc ngồi, đã có người chèo, mà ghe xuống lại vững, đâu có thủng lỗ chảy nước như chuyến này. Tôi, từ một thằng bé thơ đại năm trước sang sông có người chèo chống, giờ đây tôi phải chèo chống lo lắng cho người khác. Cái cảm tưởng khác mới đó đã đến với tôi ngay từ lúc tôi thả mái chèo đầu tiên xuống mặt nước sông rộng. Còn thằng Đang chẳng biết nó có

nghe giống tôi không ? Nó ngồi lom khom ở chỗ lườn ghe bị thủng, cứ chốc chốc lại đưa tay sờ rầm coi nước có chảy rỉ vào chưa. Tôi càng thấy yêu thằng Đang vô cùng. Tôi yêu nó bởi vì nó là một thằng bạn tốt. Nhà thằng Đang nghèo, nghèo hơn nhà tôi, nhưng nó thiệt thà, một là một, hai là hai. Đi bẫy với nó được chục con chim cu thì nó chia đôi, tôi năm nó năm. Mặc dù nó đánh bẫy chim trọi hơn tôi, nhưng nếu nó thấy năm con chim cu của tôi có con nhỏ quá, nó vui vẻ bắt bù thêm cho tôi vài con chim sâu, chim sẻ ngay. Nó nghèo nhưng nó không để ai thiệt. Giờ đây tôi nhìn nó đang ngồi bên mạn ghe, dù cho đêm tối, tôi không thấy rõ mặt nó đi nữa, nhưng tôi vẫn biết nó đang chăm chú coi nước. Tôi liên

chợt nhớ lại những buổi trưa đánh
bầy chim cu, nhớ cái thân hình
chắc lẳn đen nắnng của thằng Đàng
nằm trong các bụi cây lùm cỏ, rình
chim đến vùng đất bầy. Mỗi khi có
một chiếc cần bầy bật cong nẩy lên
lôi theo một nắm lông chim cu và
cùng một lúc tiếng chim bị mắc
tròng vùng kêu ré lên thì đôi mắt
thằng Đàng mở tròn xoe, hai tay
nó nắm chặt thui vô lưng tôi lia
lia.

Tôi yêu thằng Đàng ở chỗ hễ
cùng làm thì làm tới nơi cùng chơi
thì chơi tới chốn. Bởi vậy đi những
chuyến đi bất ngờ như đêm nay, có
nó cùng đi, tôi cũng được vững tâm
hơn lên.

Ghe chúng tôi đã bắt đầu hướng
mũi đâm sang sông. Nước càng về
khuya càng chảy mạnh. Chúng tôi

chèo chưa được một phần đường. Ra khỏi bờ một quãng, thấy có sóng, lượn sóng không to, chỉ bằng cỡ chóp nón lá nhưng cứ vấp vô mạn ghe lách chách, lách chách. Gió ở ngoài sông không bị cây cối ngăn trở nên thổi mạnh hơn trong bờ. Tôi vừa chèo vừa đưa tay sờ quai chèo, thấy vẫn còn chắc, vì dây đánh bằng bố tươi. Thốt nhiên tôi nghe tiếng gì đánh "độp" một cái vào sạp ghe. Thằng Đang kêu lên "cá he nháy". Vừa lúc con cá he to bằng bàn tay trên sạp chơi tung lên, ánh vẩy bạc sáng loáng. Thằng Đang chồm tới thộp ngay được con cá. Anh Rở nhấn chân lên cho nó giở sạp bỏ con cá vào khoang.

Ghe đã ra tới giữa sông. Mũi ghe vẫn giữ được ở trên bến Bần. Tôi đã nhìn thấy rặng cây bên bờ

An Thanh Trung hiện lên nhợt nhạt, mờ mịt như rừng Bần bên này. Nhìn ngược về quãng sông uốn khúc mạn Hiệp Thủy, đã thấy cồn⁽¹⁾ cát nhô ra. Trong đêm, nó giống như một giề lục bình lớn xanh sẫm, không trôi. Tôi trở cồn cát nói :

- Anh Rở, cồn cát kia kia. Nhà em ở vàm sông ngó kéo xuống cồn cát đó. Anh Rở hỏi :

- Vậy ra nhà em ở Hiệp Thủy đó sao ?

- Phải. Có dịp nào đi ngang ghé nhà em chơi nghe anh !

- Ừ, nếu có dịp qua Hiệp Thủy, thế nào anh cũng ghé lại nhà em.

Tôi với anh Rở vừa nói đến đây chợt nghe từ phía cồn vọng lên một

(1) Doi đất nhỏ nổi trên sông.

hồi chuông, ngân nga rung động.
Anh Rở nói :

- Tiếng chuông !
- Phải rồi, tiếng chuông.
- Trên cồn cát có nhà thờ à ?

Tôi gật đầu :

- Có nhà thờ Thiên Chúa...
- Mọi khi em có thường sang chơi cồn cát không ?

- Em sang chơi cồn hoài thôi. Là vì ở đó có ông Sáu là ông cậu của em. Ông làm thuốc rắn giỏi lắm.

Tôi nói thế. Anh Rở cúi lưng đẩy mạnh mái chèo. Chiếc ghé lướt tới. Tôi vừa chèo vừa dăm dăm ngó về cồn cát. Xa xa bức tường tháp chuông nhô ra trắng trắng, lúc ẩn lúc hiện vì bị cây che khuất. Tiếng chuông vẫn còn ngân nga mãi chưa dứt.



- Đêm nay là đêm gì vậy ? - Anh Rở hỏi tôi.

- Em không biết nữa... Bữa nay hình như đâu có lễ... - Tôi đáp một cách băng quơ.

Anh Rở chắc lười :

- Chà... Trời ơi. Mười ngày ở mặt trận tôi quên cả ngày đêm rồi em ạ.

Thỉnh thoảng anh Rở lại xưng "tôi". Tôi hỏi :

- Anh Rở có theo đạo không ?

- Không. Còn em ?

- Em cũng không.

Tôi vừa dứt lời, chợt nghe thấy trong khoang ghe nước dòn lọc ọc, lọc ọc. Anh Hiếu đang gục đầu trên gối liên nhồm dậy. Thằng Đang bò lại khoang giữa lấy gàu tát nước. Nhưng hình như mực nước trong

ghe vẫn không giựt xuống. Anh Hiếu đưa hai tay về phía trước nói :

- Để anh tát, em lại chỗ chảy coi...

- Anh không tát được đâu.

- Được. Anh tát được. Đưa gàu cho anh.

Thằng Đang chần chừ mãi mới đưa cái gàu cho anh Hiếu. Anh Hiếu cầm gàu tát. Ban đầu anh tát chậm nhưng sau tát nhanh dần. Thằng Đang bò lặn ra lái, thọc tay mò mẫm xem chỗ bị chảy. Thốt nhiên nó kêu lên :

- Đất xắm bị trôi hết rồi, cục đất sét đâu Bả, đưa cho tao.

Tôi xuôi chèo, cúi xuống mũi ghe lấy tảng đất sét ban nãy chuyển cho thằng Đang. Rồi tôi vớ chèo, chèo tiếp. Nhưng tôi vẫn

ngoái cổ lại luôn. Thằng Đang hì hục móc đất xảm. Anh Hiếu vẫn khom lưng tát nước. Anh Rở vừa quật chèo bẻ lái vừa hỏi :

- Sao, xảm rồi chưa ?

- Rồi.

Thằng Đang vớ lấy chiếc gàu khác tát tiếp anh Hiếu. Độ mười phút sau, nước trong ghe bị tát cạn. Từ đó nước chỉ chảy vào ri ri. Chúng tôi yên lòng lại được một chút. Nhìn ven cây hai bên bờ, theo sự ước lượng bằng tầm mắt của tôi thì ghe chúng tôi đã đi gần được hai phần sông. Tính ra ngót hai ki-lô-mét. Cồn cát đã khuất dần sau khúc sông quanh. Cả cái tháp chuông trắng trắng kia cũng khuất nốt. Tôi cố chèo khỏe hơn, mặc dù tôi đã nghe thấy tiếng thở của tôi.

Sóng trên sông bây giờ nháy có to lượn hơn, nhưng chúng tôi không sợ, vì ngọn sóng không cắt đầu qua mạn ghe chúng tôi được. Thỉnh thoảng nó chỉ tóe vào nhiều lắm chừng ba bốn vốc nước là cùng. Cũng nhờ anh Rở thủ lái cứng. Bao giờ anh cũng cho mũi ghe gối lên sóng chứ không để ghe tạt ngang theo sóng, thành thử chưa có lượn sóng nào nào tràn lên ghe được. Bây giờ có lẽ cái mà chúng tôi ai cũng lo là cái lỗ nước chảy kia. Nếu đi trong sông con, kênh ngòi nhỏ thì không đến nỗi. Nhưng đi trên sông lớn, một kê hở ở mạn ghe là một điều bất lợi, dễ đưa đến rủi ro. Thực vậy, chính cái lỗ nước đó là mối đe dọa nguy hiểm nhất, nếu chưa có một mối đe dọa khác mà trong thâm tâm tôi chưa hề nghĩ tới.

Lần thứ hai, nước trong ghe lại ngập quá cong. Nước dồn kêu lọc cọc, lọc cọc. Thằng Đang vớ lấy cục đất sét. Anh Hiếu lại tát. Tôi vẫn hy vọng như lần trước, thằng Đang sẽ xắm được lỗ thủng, và rồi nước lại bị tát ra sông. Quả nhiên thằng Đang xắm xong, nước trong ghe bị anh Hiếu tát ra một lần nữa. Nhưng nước vừa tát xong, thì anh Chín bị thương động dậy, tỉnh dậy. Kế đó, anh Trục cũng bật tiếng rên ư ử. Có thể là do tiếng gàu tát ào ào, làm các anh ấy 'chợt tỉnh giữa cơn đau. Anh Chín hỏi giọng tỉnh táo :

- Rở ở... ôi. Ôi. Tới bờ... chưa ?

Anh Rở đang chèo vội, rướn người tới đáp :

- Sắp, sắp tới rồi !

- Tôi khát quá... cho tôi một ngụm nước.

Anh Rở phải nói dối là vào tới bờ anh sẽ cho uống, chứ ở đây nước mặn lắm. Nghe anh Rở bảo nước mặn thì anh Chín thét :

- ... Nước ngọt... nước sông này ngọt.

Vừa nói anh Chín vừa giơ tay ra khỏi be ghe định vốc nước uống. Anh Rở thét :

- Không. Không được đâu.

Anh Chín liền rút tay lại, nằm im và kêu trời. Thiệt không có gì làm tôi khổ tâm bứt rứt hơn khi nghe tiếng kêu đó cất lên giữa một dòng sông đầy tràn nước ngọt.

Tiếng nước dâng lên, lắc lóc ọc trong khoang ghe cắt đứt mọi ý nghĩ trong đầu tôi.

Thằng Đang bấy giờ lui cui, sờ soạng móc đất xám tại chỗ thủng

mà lớp đất xám trước đã bị nước tọng trôi. Khắp người nó đều bị ướt. Anh Rở lo lắng hỏi :

- Sao, chưa bịt kín lại được à ?

Nó vẫn không đáp. Tay nó sục xuống nơi lỗ thủng. Ghe chúng tôi đi chậm lại rõ rệt. Nước vào nhiều, ghe khẳm thêm, chèo thật lực mà cũng không đưa ghe vượt nhanh sang được. Nguy hiểm cho chúng tôi là con nước vẫn tiếp tục đổ xuống rất mạnh. Cứ như tình hình này thì ghe bị trôi mất. Vì nếu không vượt chéch sang sông được thì dòng nước có dễ ghe đứng yên đâu. Ven cây ở bên Bần lúc đầu còn nằm dưới, giờ đã nằm ngang, và ghe chúng tôi sắp sửa bị tụt xuống khỏi ven cây đó. Như thế khó lòng mà cập vào bờ An Tạch Trung được. Con nước sẽ bắt chúng tôi cập An

Thanh Tây hay sao đây. Nơi đó là nơi chúng tôi không hề muốn ghé.

Một lần nữa thằng Đang đã xắm xong chỗ thủng. Nhưng ngay sau đó, nó vùng kêu lên :

- Chết, đất bị tống ra nữa rồi !

Giọng kêu của thằng Đang lần này báo nguy thực sự. Anh Hiếu tay vẫn không rời gàu. Chiếc ghe bị lắc, một lượt sóng ập vào. Anh Rở nói :

- Tất cả dừng động dậy !

Mực nước trong khoang ghe lên mãi, lên mãi. Anh Rở bảo tôi :

- Bầy, em bỏ chèo lại tát nước giúp anh Hiếu đi !

Tôi gác chèo cúi xuống cầm gàu tát ở khoang trước. Hai chúng tôi tát cũng không xuể. Một gàu nước ra ba gàu nước vào. Có lẽ lỗ thủng

dã vỡ rộng. Thằng Đang ở sau lái moi dâu ra được chiếc nón lá rách tăt tiếp. Nhưng cũng không ăn thua. Nước cứ ngập be dưới rồi ngập lên be trên. Ghe hoàn toàn không nhích mũi lên được nữa. Một chốc sau ghe lằm dằm trôi xuống. Tôi vừa tăt vừa nhìn vào bờ thấy hây còn xa, ước chừng có tới non một ngàn thước nữa mới tới ven cây. Ven cây đó không còn là ven cây An Thạch Trung nữa. Nhưng tôi có ý nghĩ bất chấp. Nếu ghe tăt vô bờ An Thạch Tây tôi cũng đành bụng. Vì bây giờ mỗi nguy bị chìm giữa sông đến trước mỗi nguy sợ sa vào vùng địch. Cứ kể ghe nhích đi một sải nước còn khó thay nói chi đến một cây số. "Ghe chìm ?" Chìm ở đây thì còn xa bờ quá. Lo là lo cho mấy anh bị thương.

Nhưng tôi xua ngay cái ý nghĩ đó đi. Hình ảnh má tôi, chị và em tôi hiện đến với tôi nhanh chóng kỳ lạ. Có lẽ không lúc nào hình dung rõ gương mặt của má tôi như lúc này. Giữa lúc đó, thỉnh linh anh Hiếu buông gàu đứng lên đưa tay sờ rằm mắt. Anh Rở liền hỏi :

- Sao đó, Hiếu ?

- Không... không, bằng nó muốn tuột... Rồi, được rồi.

Nói xong, anh Hiếu lại cúi xuống cầm lấy gàu.

Nước vẫn tiếp tục lên trong khoang ghe, ngày một dần ghe khẳm xuống. Chợt anh Trục cất tiếng nói phều phào :

- Tôi... cho tôi... cho... tôi xuống đây...

- Tôi... cũng muốn xuống đây...

- Không !

Anh Rở nói ngắt, giọng nghèn nghẹn. Tôi thì không giữ nổi nước mắt ứa tràn ra khóe. Tôi không khóc sao được. Nhưng anh Rở nói "không được" là đúng. Chúng tôi chưa bao giờ muốn như thế. Chợt lúc đó tôi thấy anh Rở cởi phăng áo của anh ra. Anh bảo :

- Hai em cũng cởi áo ra đi !

Cả hai đứa tôi liền cởi áo ném cho anh Rở. Tôi mừng rơn nghĩ : "À, có mấy cái áo mà quên khuấy đi mất". Anh Rở đón lấy áo, ngồi xuống xé toạc ra rùng mảnh. Và anh nhanh nhẹn tới chỗ lườn ghe bị thủng. Anh bắt đầu xảm chỗ ghe thủng bằng những chiếc áo vừa xé ra. Thằng Đang mò tìm những mảnh đất vụn bị nước tong ra những lần trước. Đợi anh Rở xảm

áo vào lỗ thủng xong, thằng Đang liền đưa nắm đất cho anh hăm hờ nói :

- Đắp thêm, anh.

Anh Rở lấy đất trát phủ thêm lên. Tôi nhìn anh Rở và thằng Đang, lòng đầy tin tưởng. Lát sau thấy mực nước đứng yên. Tôi reo lên :

- Nước không vô nữa rồi !

- Vậy hả, - Anh Rở cũng reo lên.

Tất cả chúng tôi kẻ gàu người nón hè nhau tát nước. Làm sao tát cho nhanh mà êm. Không thể động dấy mạnh như trước được, vì ghe đã đầy nước, vô ý để ghe nghiêng một chút là nước sông ào vô chìm liền. Chúng tôi ai ở đâu ngồi đó tát một cách thận trọng. Bấy giờ mỗi

gàu nước đổ ra là một ly sự sống được giành lại. Tôi cảm thấy tay tôi như tăng thêm sức. Sức ấy từ đâu đến tôi cũng không rõ nữa. Tôi chỉ biết tự tôi phải tát, tát nhanh lên. Vì tôi muốn sống chứ không muốn chết. Chúng tôi, ai trên ghe cũng đều muốn như vậy. Một trăm gàu, hai trăm gàu tôi không cần đếm, tôi chỉ cần tát, tát cạn. Ghe nổi dần lên. Anh Rở rà lại gần chỗ xảm một lần nữa. Nước chỉ còn chảy ri ri. Anh đứng lên vắt mái tóc ướt nước. Dưới đêm sao, tôi thấy lại lần thứ hai cái dáng người hơi lùn và chắc nịch của anh Rở. Thân hình đó gợi tôi nhớ lại một bức tượng đồng đen mà tôi đã gặp trong dịp đi xem hội chợ trên tỉnh với cha tôi tám năm về trước. Nhất là quang từ ngực trở lên, nó đen bóng, loang loáng ánh

nước chan lẫn ánh sáng của các vì sao chiếu xuống.

- Chết, mình bị trôi xa quá rồi !
- Anh Rở kêu lên.

Tôi nhận ra ghe chúng tôi đã trôi khỏi ven cây bến Bần hơn một cây số, trôi tuột xuống gần tới khúc quanh. Cồn cát lù lù ở sau lưng chúng tôi, rất gần, nằm hơi chệch về phía tay trái. Anh Rở đẩy chèo, chèo ghe ngược lên. Nhưng nước đổ xuống mạnh quá. Anh Rở chợt hỏi tôi :

- Em Bảy, khi này em nói em có một ông cậu ở cồn cát phải không ?

Tôi đáp :

- Có, ông Sáu.
- Có thể ghé lại đó nghỉ tạm được không ? Bà con ở đó có tốt không ?

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói :

- Được, được anh ạ.

- Có lẽ ta phải ghé cồn nghỉ qua đêm nay. Ghe tuy xảm rồi nhưng chỉ tạm thời thôi, nước vẫn chảy mạnh, không chèo lên An Thạnh Trung nổi đâu.

- Tôi bảo :

- Cồn cát không phải là vùng địch, nhưng phần đông theo đạo. Bà con đều tốt, chỉ có một số ít không tốt. Ông cậu Sáu của em thì tốt lắm.

- Được rồi, mình ghé vô cồn cát đi. Sao, em Đang thấy sao ?

- Ghé thì ghé. Ông Sáu em cũng có biết - Thằng Đang nói.

Vậy là chúng tôi nhất trí ghé lại cồn. Anh Rở cho ghe quay mũi vừa chèo nhẹ nhẹ vừa lái hướng về

phía cồn. Tôi gác chèo lên be ghe. Nước xuôi, ghe trôi băng băng.

Anh Rở hỏi :

- Nhà ông cậu em ở đâu cồn hay ở đuôi cồn ?

- Ở đuôi cồn - Tôi đáp.

Thằng Đang chồm tới :

- Em biết. Để em lái cho.

Anh Rở ngồi né ra cho thằng Đang lái. Một chốc sau ghe chúng tôi đã tới sát cồn. Mái chèo rà đụng cát. Thằng Đang nhấc mái chèo lên khỏi mặt nước rồi thọc mũi lên cát. Tôi đứng ngay dậy, nhảy lên bờ. Về khuya, cồn im vắng. Không nhà nào còn thức. Tôi nói với anh Rở :

- Anh ở đây, để em lên trước.

- Ừ, em lên đi.

Ngồi lâu dưới ghe, chân tôi đi hơi dúm lại dưới lớp cát gợn lên

từng làn sóng nhỏ. Lên tới rẫy dưa, chân tôi vướng phải một sợi dây dưa ngã chúi người tới trước. Nhưng tôi gượng đứng ngay dậy. Rồi tôi đựng phải những quả dưa hấu to bằng quả bóng, đựng tới đâu thấy mát chân tới đó. Qua khỏi rẫy dưa hấu lại tới rẫy dưa gang. Một mùi thơm sực nức lan khắp rẫy. Đó là mùi thơm của những quả dưa gang chín bỏ, nứt da nằm lénghên trên rẫy. Tôi rẽ theo lối mòn bên tay phải đi về phía nhà ông Sáu.

Đã lâu rồi tôi không đến đây, nhưng ngôi nhà ông Sáu chẳng đổi khác chút nào. Nhà cất ba cái, độ mặt với nhau. Thành thử không có cái cửa nào day ra ngoài. Chung quanh nhà vẫn lủ khủ những lu, những vại. Tôi rón rén đi vào sân,

bước lên hiên ngôi nhà chính. Tôi gõ cửa. Có tiếng hỏi, đúng là tiếng ông Sáu :

- Ai đó ?

- Cháu đây ông ơi. Cháu là Bảy, con của thím Năm Nhã.

Trong nhà có tiếng rột rột. Ông Sáu thức dậy đốt đèn, mở cửa. Ông cầm cây đèn hoa kỳ đưa lên, đôi mắt hấp háy. Khi nhận ra tôi, ông không tỏ vẻ ngạc nhiên gì hết. Ông ngáp một cái, rồi vặn bắc đèn hỏi.

- Má cháu sai cháu tới đây có chuyện gì đó, hở ?

Tuồng như ông biết trước đêm nay thế nào tôi cũng mò tới vậy. Tôi bước vô nhà. Tự tay tôi khép cửa lại. Thấy thế, ông Sáu lo sợ hỏi dồn :

- Lạ chúa, cái gì đó vậy, hả ?

Tôi ra hiệu ông nói nhỏ. Sau đó tôi khẽ ngồi xuống bộ vật bắt đầu kể cho ông nghe mọi việc. Nghe tới đâu ông Sáu chụp vai tôi hỏi dồn tới đó, vẻ hồi hộp lo lắng như ông cũng có đi trên cộ bò, trên ghe với chúng tôi từ đầu hôm tới giờ vậy. Cuối cùng ông Sáu buông vai tôi ra :

- Vậy mà tao cứ ngỡ là ở bên nhà có ai bị rắn hổ cắn.

Ông Sáu đứng dậy vê vê bộ râu bạc, đi tới đi lui. Lát sau ông bảo tôi :

- Ra đây !

Ông dắt tôi sang cái nhà chứa lúa đối diện, mở cửa. Ông bảo :

- Cháu coi thử coi. Lót đệm lên lúa nằm có dặng không ? Chỉ có nằm ở đây là êm nhứt, chớ không ở đâu được. Ông cha thì chưa sang,

nhưng còn lão trùm trưởng, lão ta khó chịu lắm...

Tôi vẫn cầm chiếc đèn nơi tay ông Sáu soi vào gian nhà chứa lúa. Tôi ừng ý gật đầu. Ông Sáu hỏi :

- Ghe đậu ở đâu ?

- Dưới đuôi cồn.

Ông Sáu trở vào nhà tháo chiếc vòng mắc nơi cột. Rồi ông kê miệng thổi tắt ngọn đèn, bảo tôi dắt ông đi.

Tôi với ông Sáu đi riết xuống đuôi cồn. Dọc đường ông nói :

- Tao chứa tụi bây ở đây thì tụi bây phải nghe lời tao. Không ai được bước nửa bước ra ngoài. Rủi ro để thằng cha trùm trưởng nó hay thì tao bị rút phép thông công⁽¹⁾ dỡ nhà khỏi cồn cát chớ không phải chuyện chơi đâu.

(1) Coi như bị đuổi ra khỏi đạo.

- Nhứt định tụi cháu nghe lời ông - Tôi quả quyết hứa.

- Chúa ôi, áo cháu đâu mà ở trần thế này ?

Đến bây giờ ông Sáu mới nhận ra là tôi không mặc áo. Tôi đáp :

- Áo của cháu đem xắm ghe rồi !

- Lạy chúa. Đi như vậy mà không chìm thiệt là may.

Vừa đi vượt quá rẫy dừa, đã thấy bóng chiếc ghe mờ mờ ng héch mũi lên bãi. Tôi kêu lên :

- Ông Sáu, ghe kia !

Tôi với ông Sáu đi như chạy đến chiếc ghe. Anh Rở, thằng Đàng ngồi trên bãi cát thấy chúng tôi đến liền vọt đứng dậy. Anh Rở nói :

- Chào bác !

- Chào mấy cậu. Nghe nói mấy cậu thiếu chút nữa thì chìm ghe phải không ?

- Dạ.

Ông Sáu tới trước mũi ghe cúi nhìn các anh thương binh rồi đưa tay lên ngực lên trán làm dấu.

- Bây giờ ta khiêng hai cậu bị đạn này lên đi.

Nói xong ông Sáu tháo chiếc võng cuộn cầm trong tay ra. Ông bảo tôi và thằng Đang mỗi đứa cầm một đầu võng. Còn ông với anh Rở khiêng anh Trục đặt lên. Sau đó ông và anh Rở võng anh Trục lên nhà. Thằng Đang ở lại ghe coi anh Chín. Tôi dắt anh Hiếu đi theo anh Rở và ông Sáu.

Đem ba anh lên nhà xong xuôi thì gà trên cõn eo éo gáy. Ông Sáu thu xếp cho chúng tôi ở cả trong gian nhà lú. Còn ông, ông lội ra đuôi cõn đem cất chiếc ghe chúng

tôi vào một cái lạch kín đáo. Trở về, ông đốt đèn đi soạn lấy cho mỗi chúng tôi một chiếc áo cũ rộng thùng thình để mặc tạm.

Đêm sắp tàn. Qua khung cửa sổ nhỏ, tôi nhìn thấy nóc tháp chuông nhà thờ in bóng giữa nền trời đêm xanh nhợt hầy còn chấp chới những vì sao. Tiết trời hơi lành lạnh. Một mùi hương hoa đại thoảng tới. Đêm tối ở đây có cái gì khác hẳn đêm tối ở trại ruộng.

Mấy lần tôi đã chớp mắt thiu thiu muốn ngủ thì lại đều mở mắt ra. Thằng Đang đã nằm ngáy khò khò dưới chân tôi. Anh Rở không hề nhắm mắt. Anh ngồi nép sát bên cửa sổ, gác hông súng tiểu liên lên bệ cửa. Thấy tôi cứ rục rịch không nằm yên, anh lấy tay đẩy nhẹ tôi xuống, bảo khê "Ngủ đi !".

Tôi vâng lời anh nằm xuống, nhưng bốn chồn không sao chớp mắt được. Tôi he hé mắt nhìn anh Rỏ. Chợt nhiên tôi thấy sung sướng và tự hào vì đã được đi với anh Rỏ qua một đoạn đường đêm cực nhọc, ghe suýt bị đắm và chúng tôi suýt không về tới đây được. Tôi cứ hé mắt nhìn anh như thế, trong đêm sắp hết, trong mùi hương hoa đại nhẹ nhẹ lan khắp mọi nơi. Cuối cùng giấc ngủ lôi tôi đi một cách êm ái. Tôi nằm mơ thấy em My tôi, em My bé bỏng của tôi, nét mặt buồn buồn đang nhìn tôi từ từ đi lùi ra khỏi ngõ nhà tôi. Rồi bỗng nhiên em tôi tắt tả chạy đuổi theo, đến dừng trước mặt tôi, ngón tay trỏ em cứ dút vào miệng cắn cắn, im lặng nhìn tôi với cặp mắt giận dữ. Em đứng nhìn tôi một lúc lâu

như thế, và em sắp sửa rưng rưng nước mắt thì tôi bỏ chạy vụt đi...

... Chân tôi quàng lên vai thẳng Đang. Một bàn tay nhắc đỡ sang bên. Tôi giật mình tỉnh dậy. Anh Rở ngó tôi cười nói :

- Bộ em nằm chiêm bao thấy đánh đá ai hay sao vậy ?

Tôi ngồi dậy bên lén giụi mắt. Giấc mơ sao mà buồn rười rượi. Tôi ngồi ngẩn ra một lúc. Trời bắt đầu sáng. Tôi nắm tay anh Rở nói nhỏ :

- Anh à, em nằm chiêm bao...

- Đó, anh nói có đúng không ?

- Anh Rở à, em mơ thấy em My, mà em ấy lại muốn khóc...

Tiếp đó, tôi kể lại cảnh chiêm bao cho anh Rở nghe. Nghe xong, anh Rở lặng lẽ tựa lưng vào vách,

không nói gì hết. Dường như giấc mơ của tôi gợi cho anh nhớ tới một chuyện gì. Lâu sau, anh hỏi tôi :

- Gia đình em Bảy có cả thấy bao nhiêu người ?

Tôi đáp :

- Má em, chị Lộc, em và em Mỹ, thế thôi. Ba em... chết rồi, Tây nó bắn.

- Tây bắn, hồi nào ?

- Hồi năm bốn mươi. Lúc đó em mới sáu bảy tuổi.

- Ba em hồi đó đi hoạt động à ?

Tôi gật đầu. Anh Rở định hỏi thêm nhưng lúc đó ông Sáu ở ngoài thò đầu vào hỏi :

- Sao, anh em thế nào ?

- Vẫn nằm yên, ngủ được.

- Bị thương mà chịu ngủ thì còn khá. Còn cậu, với cháu Bảy sao không ngủ đi cho ?

- Sáng rồi.

- Ấy, sáng thì sáng, cứ nghỉ. Không sao đâu. Lạy Chúa, chắc các cậu đói bụng. Để tôi đi nấu cơm cho các cậu ăn nghe !

Tôi với anh Rở không phản đối. Qua một đêm chèo chống, bụng dạ chúng tôi cũng đã cồn cào lắm. Từ nhà chứa lúa nhìn ra, tôi thấy được cả khoảng sân rộng nhà thờ, lát toàn đá tảng xanh, hai bên sân trồng dương và một loại cây gì giống như cây thiên trúc. Thấp thoáng mấy bà phước đầu đội mũ trắng toát, tay sẽ vén những tà váy đen rộng, đi dưới hàng cây, thoăn thoắt nhẹ nhàng như những cái bóng.

Thằng Đang hãy còn ngủ. Chúng tôi vẫn để nó ngủ. Anh Rở bò lại bên ba anh đang nằm duỗi

thẳng chân trên bồ lúa, cúi xem vết thương của từng người rồi lại rón rén bò về chỗ cũ. Anh cần cần đầu ngón tay cái đôi mày rậm rạp nhúu lại. Tôi đoán biết tâm trạng anh đang lo lắng vì phải kẹt lại đây chưa thể đi An Thạch Trung được.

Tôi nói :

- Như vậy thì tối chắc mới đi được.

Anh Rở không đáp. Một hồi sau, anh nói :

- Đành là tối đi, nhưng chiếc ghe mình thì tối cũng chẳng đi được đâu.

- Biết làm sao, khó mà mượn ghe ở đây lắm.

- Không, không mượn. Nhưng phải chữa ghe lại.

Tôi nói chuyện này với ông Sáu. Anh Rở bảo :

- Chỉ cần nhờ ông Sáu tìm cho mình mượn chĩa, đục với một cục chai⁽¹⁾... Anh sẽ sửa lại chiếc ghe.

- Được, để một chốc nữa em hỏi ông thử xem.

Anh Rở đưa mắt nhìn ra mặt sông, nói :

- Nước đang ròng... Một hồi nữa thì cạn. Trong lạch giấu ghe cũng cạn. Phải làm ngay, chờ nước lớn lên thì không xong !

Anh Rở toan tính ráo riết. Cơm chín, ông Sáu bưng vào cho chúng tôi ăn. Một nồi cơm gạo móng chim thơm phức với gần một chục con tôm càng nướng. Ông nói :

- Không có gì, chỉ có mấy con tôm tôi xịp⁽²⁾ được hồi đầu hôm. Ăn đi, mấy cậu ăn cho no đi... Còn mấy

(1) Một loại bột trộn dầu dùng để xảm thuyền.

(2) Một thứ lưới bắt tôm ở Nam Bộ.

cậu kia, uống nước đường phèn nghe, một chút nữa nước sôi...

Tôi đánh thức thằng Đang dậy. Chúng tôi đói nên ăn cơm rất ngon. Giữa bữa, tôi gác dũa nói với ông Sáu ý định sửa chữa ghe của chúng tôi. Ông Sáu nói :

- Chai, ván thì có, nhưng cửa đục... À, à... để tôi chạy vô nhà thờ mượn, ở trống có.

Anh Rở ngăn :

- Thôi, có chai có ván là tốt rồi. Làm bằng dao cũng được, chỉ nhờ bác cho tụi cháu mượn một con dao.

Ông Sáu gật đầu. Cơm nước xong, chúng tôi bắt tay vào việc. Ông Sáu đi nấu chai. Tôi và thằng Đang ở nhà vừa coi sóc các anh bị thương vừa ngồi xé tờ một miếng bố tời để chuẩn bị trộn với chai. Còn anh Rở cởi áo cầm dao, ván đi

ra lạch giấu ghe. Mẻ chai nấu xong thì tôi với thằng Đang cũng vừa xé miếng bố tời tời ra từng sợi nhỏ mịn. Chúng tôi trộn với chai nhồi quết cho thiệt nhuyễn. Được một cục chai xảm ghe khá to. Hồi sau, anh Rở ở ngoài lạch về, trong tay cầm miếng ván đã dẽo đúng hết chỗ thủng nơi lườn ghe. Mồ hôi ướt đầm lưng anh Rở. Anh hỏi :

- Chai làm rồi chưa ?

Tôi cầm cục chai nói :

- Rồi. Đi, em đi ra lạch với anh.

- Không được, em ở nhà. Không cần đi đông...

Anh Rở cầm cục chai trở ra chỗ giấu ghe. Cái lưng trần trụi loáng bóng mồ hôi của anh Rở khuất sau rẫy dừa. Ông Sáu hỏi tôi :

- Cậu đó tên chi, hử Bảy ?

- Ảnh tên Rở.

Ông Sáu nói :

- Cậu đó người coi nhậm lệ⁽¹⁾ giỏi giẩn quá. Chắc thế nào cậu ta cũng sửa lại ghe được.

Quả như lời ông Sáu nói, độ nửa tiếng đồng hồ sau anh Rở trở lại nói đã khảm xong chỗ thủng ở ghe rồi. Ông Sáu cứ ngó anh Rở không chớp mắt.

Chúng tôi lại vào nằm trong nhà chứa lúa. Nước ròng, nước lớn. ăn cơm chiều thì nước sắp ròng một lượt nữa. Trời chạng vạng tối, chúng tôi khiêng các anh thương binh xuống ghe, chuẩn bị lên đường. Chúng tôi đẩy ghe ra khỏi lạch. Chiếc ghe bây giờ đã nổi lên. Ông Sáu theo ra tận đuôi cón. Ông nói:

- Bây giờ các cậu không còn

(1) Nhanh nhẹn, lanh lợi.

phải lo chìm nữa. Nước xuôi, chèo vài chèo là tới An Thạch Trung rồi.

Tôi và thằng Đang bước xuống ghe. Anh Rở ôm vai ông cậu Sáu tôi lắc lắc :

- Cám ơn bác, cám ơn bác lắm !

Anh Rở lên ghe. Ông Sáu vẫn đứng trên bãi cát. Tôi đưa mái chèo, chống ghe lui ra. Bóng đêm tràn xuống trên cồn. Trong bóng tối và trong tiếng nước réo mạnh xô ghe đi xuôi, còn nghe ông Sáu nói với theo:

- Các cậu và các cháu đi mạnh giỏi nghe !

Lần đó ra đi, tôi không trở lại nữa. Nguyên là khi tới An Thạch Trung, sau khi đưa các anh thương binh vào quân y viện, tôi với thằng Đang có theo anh Rở vào chỗ các anh bộ đội chơi năm hôm. Sau năm hôm đó, hai chúng tôi đều không



muốn về nữa. Tôi với thằng Đang nhờ anh Rở xin với đơn vị cho hai đứa tôi theo làm liên lạc. Nói mãi mới được. Là vì hai đứa tôi quyết tâm đi quá.

Tôi ra đi một cách bất ngờ lúc tuổi mười bốn chưa đến, với nỗi nhớ nhà không sao dứt được trong trọn một tháng đầu. Nhưng dần dần nỗi nhớ cũng nguôi đi trong tiếng chân rầm rập của các cuộc hành quân, trong lửa khói và trong tiếng súng.

Thế là chuyến ấy hầu như tôi để lại sau lưng cái tuổi mười ba đầy những thú vui nơi đồng ruộng, những tiếng cá quẫy khi dìa tát cạn, những con bò mình vàng hực kéo cộ chạy băng băng và cả những mùa gặt, từng đàn chim bay hót kêu lạnh lốt trên trời.

1961

KÝ ỨC TUỔI THƠ

Điệu múa đã chấm dứt.

Các em gái nhỏ vừa múa xong, mặt đỏ bừng. Các em đưa tay vuốt mồ hôi lấm tấm rịn ra nơi trán và chạy về phía cô giáo. Cô giáo quàng các em vào lòng. Cô giáo tuổi đầu chỉ chừng mười chín. Dáng người mảnh dẻ, cô có cặp mắt đen sáng thông minh và hơi rụt rè như mắt trẻ con. Cô thuộc vào thế hệ giáo viên trẻ của cách mạng chúng ta, trẻ như ngôi trường mới dựng lên giữa những xóm làng giải phóng này.

- Đã đến giờ học, các em vô lớp đi ! - Cô giáo nói.

Đám trẻ riu rít đi vào lớp. Chúng ngồi trên những chiếc ghế dài làm bằng những cây đước lột vỏ, chôn chân hẳn xuống đất. Bàn viết của lớp học cũng là gỗ đước xẻ ra, bào láng. Cô giáo cầm quyển sách, đợi cả lớp trở lại trật tự. Cô nói:

- Hôm nay chúng ta viết chính tả. Các em chuẩn bị !

Đám trẻ vội vàng mở nút mực, lật vỏ ra. Chúng sửa bộ ngòi lại cho ngay ngắn. Có đứa cầm bút liền, ưỡn thẳng lưng, với cái tư thế hễ cô giáo đọc là nó sẽ viết ngay. Có đứa lại vòng tay trái giữ lấy quyển vở như sợ lúc viết quyển vở sẽ bay đi vậy. Lại có tiếng ho khúc khắc, tiếng ngòi bút lọc sọc chấm vào các bình mực.

Cô giáo chờ cho mọi thứ tiếng nói im đi, mới lấy giọng trang nghiêm đọc :

"Lịch sử trường em".

Đó là đầu đề của bài chính tả. Những mái đầu cúi xuống, hí hoáy viết. Đợi cả lớp viết xong đầu đề, cô giáo đọc tiếp :

"Sau ngày giải phóng, trường học xã em đã được dựng lên..."

Rồi cô lại đọc :

"Trường của chúng em là một gian nhà rộng lợp lá. Bàn ghế trong lớp không lấy gì làm sang trọng, nhưng cả thầy đều ngăn nắp, sạch sẽ. Các chú bác nông hội xã đã đắp nền trường và đóng nền những chiếc bàn ấy. Nền trường trước kia vốn là một bãi đất bỏ trống, tại đó đã có những cô bác của em ngã xuống vì sự nghiệp

cách mạng. Trên cái nền đất này là trường học thân yêu của em, mấy năm trước là một nơi đầm đìa máu đỏ..".

Tiếng cô giáo vẫn cất lên, trong trẻo và đều đặn giữa buổi trưa tĩnh mịch. Cô sắp đọc tiếp đoạn kế. Thành linh giữa lớp học bỗng bật lên tiếng khóc nức nở. Một em bé gái quàng chín tuổi ngồi ở đầu cái bàn thứ hai đang cắn môi, nước mắt chảy ướt cả hai gò má. Cô giáo nhìn đứa học trò của mình. Cô hiểu. Nó tên là Hà. Cả lớp học đều nhìn về phía đôi vai nhỏ của Hà đang rung lên.

Bé Hà bây giờ không viết thêm được chữ nào nữa. Cây bút em cầm trong tay run quá. Mắt em nhòe ướt. Em tưởng như mình không phải ngồi giữa lớp học mà là đang ở

giữa cảnh tượng hỗn độn ở nhà em cách đây hơn ba năm. Em đang nhìn thấy lại một buổi sáng mùa nước, những tên lính xông vào nhà, súng lăm lăm trong tay, lục lọi. Ba em và chú Sáu lúi xúm đứng ở ngay cửa buồng thông vào bồ lúa nhà em. Khi bọn lính xông tới, em thấy ba em và chú Sáu xô đám lính, đá chúng ngã lật. Vừa lúc đó, em ngó thấy một chú lạ từ bồ lúa phóng vọt ra, chạy biến. Lũ giặc kêu lên :

- Nó kia, nó kia !

Nhưng ba em và chú Sáu đã cản chúng lại. Ba em lia mạnh một cây cột chèo khiến bọn lính té sụm. Bấy giờ người lạ mặt trong nhà em đã chạy thoát. Lúc ấy em không biết người đó là ai, và cũng không biết người đó đã núp trong nhà em từ bao giờ. (Cách đây vài tháng có một

chú trên tỉnh tới thăm nhà em, đi theo có mấy anh bộ đội bảo vệ đeo súng cào-bin. Hóa ra chú đó chính là người lạ mặt đã tìm nhà em, được ba em cứu thoát). Sau khi chú ấy chạy khỏi, bọn giặc bắt ba em và chú Sáu. Chúng lôi hai người ra khỏi nhà. Mẹ em chạy theo. Chúng giơ báng súng đập mẹ em ngã ngôi xuống đất. Lát sau em nghe từ bãi đất bỏ hoang (tức là chỗ em đang ngồi học bây giờ) vọng lại tiếng thét của ba em, rồi tiếng kêu nghe hự hự, tiếng chửi rủa... Không nghe súng nổ. Lúc má em công em lội tới miếng đất bỏ trống thì bọn giặc đã bỏ đi. Ba em và chú Sáu nằm ngửa ra trên vạt cỏ ngập nước. Lúc vớt lên, môi người nào cũng có dấu răng nghiền vào đến ứa máu, và tay người nào cũng ghì chặt một

mở cỗ ống. Canh đầy chúng cắm hai cây sòng lá dừa nước, một cây treo hai trái tim còn nhều từng giọt máu và một cây có kẹp một tấm giấy. Sau này lớn lên em mới rõ tấm giấy đó viết đại ý nói rằng ai chứa chấp Việt cộng sẽ bị giết y như vậy.

... Bà con lối xóm khiêng ba em và chú Sáu về. Dạo đó mùa nước đang dâng, nhà em bị ngập lênh láng. Mẹ em ôm em ngồi trên bộ chông tre. Bà nội em nằm dài trên chông thở coi rất mệt. Máy người trong xóm đứng dầm chân dưới nước ghép những tấm ván đóng hòm⁽¹⁾. Đêm đến, nhà em thấp những cây đèn cây⁽²⁾ trắng cháy leo lét. Mẹ em nấu nước tắm rửa cho

(1) Quan tài.

(2) Nến.

ba em, mặc cho ba em một bộ quần áo vải xiêm đen mới. Em nhớ rõ tiếng khóc thê thảm của mẹ em và tiếng búa đóng hòm "cum... cum" cứ dội lên, vang ra tận mặt sông. Khi người ta dỡ ba em đặt vào hòm thì mẹ em bế xốc em đến bên hòm. Thấy mẹ khóc, em cũng khóc, nhưng lúc ấy em chưa biết đau đớn. Lúc ấy em chỉ thấy lòng buồn vô hạn. Em tưởng chừng ba em đi đâu rất xa và sẽ lâu về lắm. Nhất là khi người ta khiêng nắp hòm dậy lại thì em khóc thét, không chịu. Sao người ta bỏ ba em vào đó, ngọt chịu gì nổi !...

Thế là cuối cùng nắp hòm vẫn nặng nề dậy lại, che khuất hẳn, không để em ngó thấy ba em nữa. Người ta đặt lên hòm mấy chén cơm, mấy quả trứng đã xẻ thành miếng xếp trên cái đĩa.

Em còn nhớ những cây nhang cắm trong cái hũ nhỏ đựng đầy gạo cứ cháy mãi, tàn nhang rơi xuống, rơi xuống... Nhang cháy gần hết, người ta lại cắm thêm nhang mới. Tàn nhang rơi xuống phủ đầy cái lọ đựng gạo. Sao mà em nhớ rõ đến thế, cái bao nhang vẽ hình phật bà ngồi trên tòa sen bên ngoài có bọc giấy kính mà bà vẫn thường cho em để chơi, và cái mùi nhang cứ xông ngát lên. Mấy năm qua rồi em vẫn phảng phất ngửi thấy cái mùi nhang đó. Em nhớ mãi lúc người ta sắp đưa ba em ra ruộng. Tiếng chân lội bì bõm trên nền nhà ngập nước, tiếng kiu kịt của chiếc đòn khiêng bị sức nặng của cái hòm dè lên, tiếng mẹ em khóc, tiếng bà em gọi tên ba em ra kể lể...

Ngòi bút của bé Hà vẫn gí lại một chỗ trên trang vở. Ký ức tuổi

thơ thật đã khắc những nét quá sâu. Chỉ có khi nào chết đi, em mới có thể quên những cảnh ấy. Em cố nén tiếng khóc cứ dâng lên trong cổ nghèn nghẹn. Em không thấy ngòi bút đã nhều một đốm mực xuống trang giấy. Em chẳng thấy gì nữa, ngoài cảnh chết của cha em, cảnh cái đêm mùa nước lụt lội ấy. Rõ ràng là lúc mọi người đưa ba em ra huyết, em đã thiù thiù ngủ trên vai mẹ. Mẹ em và em ngồi trên xuồng. Trong giấc ngủ chập chờn, em nhận ra những giọt nước mắt nóng hổi của mẹ em rơi xuống má em. Trước mặt em, em chỉ thấy vầng khăn trắng mẹ em đội suốt từ trưa đến tối ngày hôm ấy. Em chỉ trông thấy vầng khăn trắng đó và bầu trời tối đen mà thôi. Tối lúc chiếc xuồng dừng lại bên một cái

gò đất hiện lở mờ giữa ruộng thì em đã ngủ thiếp đi... Lúc tiếng giẫm cọ vào be xuống lụp cụp, em giật mình tỉnh dậy. Nằm trong tay mẹ, em mở mắt nhìn thấy những vì sao trên trời... Mẹ và em đang trên đường về nhà. Mọi người đã đặt ba em xuống huyết rồi. Cho tới bây giờ em hãy còn hết sức ân hận. Em tự giận mình quá đỗi. Bên tai em lúc nào cũng có một tiếng nói văng vẳng : "Sao lúc đó lại ngủ đi như thế, hử con bé đại dột kia ? " Đáng lẽ em phải thức, bởi vì giờ phút ấy ba em đã xa em mãi mãi. Thế là em không nhìn thấy cảnh mọi người đặt ba em xuống lòng đất, em không được chính tay cầm đất ném xuống huyết dù chỉ là một hòn đất nhỏ, như mẹ em và bà em đã ném xuống. Bà nội bảo rằng làm như

vậy để cho ba em ở dưới đó không cảm thấy lạnh lẽo. Hòn đất mang hơi ấm của người thân sẽ ở bên cạnh mà sưởi ấm lòng người chết. Em rất hối hận vì đã không đặt được một hòn đất xuống bên chỗ ba em, để ba em nhớ em và đêm đêm vẫn tưởng như có em bên cạnh, như ngày nào em còn nằm ngả đầu lên cánh tay lực lưỡng của ba em mà ngủ. Em cứ hối tiếc mãi về chuyện đó. Và để chuộc lại lỗi lầm do giấc ngủ tai hại kia gây ra, em đã trồng lên ngôi mộ ba em một bụi bông trang. Em làm việc đó một cách kín đáo, lặng lẽ, đến mẹ và bà cũng không hay. Em bứng bụi bông trang ngay trước cửa nhà, cái bụi bông trang mà bà nội em rất quý, thường tưới nước chăm sóc để hái bông cúng bàn thờ Phật. Sáng hôm



ấy bà và mẹ đi cấy, em đem bụi bông ra mộ ba em. Ngồi tại ngôi mộ, em suy nghĩ mãi, chẳng biết nên trồng sao cho hợp. Cuối cùng em trồng bên cạnh tấm bia, chỗ đầu ba em nằm. Em nghĩ rằng trồng chỗ ấy là phải hơn cả. Chừng nào bụi bông trang lớn lên, nó sẽ che mát ngôi mộ. Em bới đất bằng con dao phay, bới khe khẽ... Em không làm động mạnh, vì em cứ có cái cảm giác ba em bên dưới đang ngủ. Cần để cho ba ngủ được yên giấc. Trồng xong bụi bông trang, em xách gầu xuống mương múc một gầu nước. Tay phải em cầm gầu tưới, tay trái em xòe năm ngón tay ra chặn cho nước đừng đổ ào xuống để nước chỉ rưới nhẹ lên ngôi mộ. Em sợ nước thấm vào người ba em ở dưới. Sau khi trồng xong bụi

bông, em ra về, cảm thấy lòng vui và nhẹ nhõ. Tất nhiên là trước lúc về em có bắt chước bà nội, khấn thầm trong bụng cầu cho ba em ngủ yên và hãy phù hộ cho mọi người ở nhà được luôn luôn mạnh khỏe. Em đi khỏi ngôi mộ vài bước thì ngoảnh lại nhìn. Bụi bông trang mới trồng, lá còn loang loáng nước đang khẽ rung trước làn gió sớm như hứa hẹn với em rằng nó sẽ sống, sẽ lớn lên và sẽ tỏa bóng mát cho ba em khỏi nắng. Từ đây đến mùa nắng còn tới năm bảy tháng nữa. Bụi bông thế nào cũng lớn kịp, trước khi cánh đồng hứng lấy những cơn nắng lửa chói chang. Em vừa ý với bóng mát của bông trang hơn cả. Nó không thừa mà cũng không rợp. Chắc chắn bóng mát của cây bông trang tỏa

lên ngôi mộ sẽ vừa phải, nhẹ nhàng
chớ không nặng trĩu, đè xuống.
Em thật không muốn có thêm cái
gì đè xuống nữa, bởi vì tấm ván
hòm mà em thấy trong đêm nọ
cùng với lớp đất phủ lên trên đó đã
đủ làm cho ba em ngọt ngào lắm
rồi !

Rủi ro thay lần ấy em vừa về
tới nhà thì bà em đã đón hỏi ngay :

- Ai bưng bụi bông trang hở
Hà ?

Em cúi mặt xuống và đáp :

- Con...

- Trời ơi, bưng đi làm gì ? Bụi
bông trang của bà trông để hái
bông cúng Phật, sao con lại bưng
đi ?

Em nói giọng ấp úng :

- Con... con quên hỏi nội... nhưng
con bưng nó đem ra trồng ngoài

mả của ba con. Nội ơi, mả của ba con bị nắng lăm, đất nó cứ nứt ra...

Em nói thế mà cảm thấy muốn khóc. Bà nội đứng ngây ra mất một lúc, rồi những giọt nước mắt lăn xuống ngấn má nhăn nheo của bà. Bà lập cập bước tới ôm em vào lòng, vừa khóc vừa dỗ em cũng đang nức nở :

- Thôi, thôi... nín... nín... bà không rầy nữa. Tội nghiệp cháu tôi.

Đoạn bà kêu :

- Hòa, Hòa, mày sống khôn thác thiêng, về đây mà coi cảnh con mày đây này...

Rồi bà nội em đem chuyện ấy kể khắp xóm. Máy thím có tuổi và mấy bà lão luôn chắc lưỡi nói :
"Trời nào, Phật nào mà không động lòng cho được !".



Mẹ em thì suốt đêm hôm ấy cứ ôm chặt em vào lòng. Em nằm rất lâu, không ngủ. Có tới hai tiếng đồng hồ sau, em hé mắt nhìn vẫn thấy mắt mẹ mở thao láo. Em biết mẹ thương và nhớ ba lắm. Ngày ba em còn sống, mẹ em và em thấy như sau lưng mình đang có chỗ dựa thật chắc. Sau lúc ba em chết, mẹ và em không còn chỗ dựa đó nữa.

Mẹ con thật bơ vơ. Thoạt tiên em chợt nhận ra mình thiếu một cái gì rất lớn. Điều rất giản dị là ba em không còn nữa. Mẹ em như trải qua một cơn bệnh nặng, cả tháng sau mới gượng dậy được. Bây giờ muốn có củi chụm, mẹ em phải chống xuống vào rừng đốn lấy tới tối mịt mới về. Lúc trước ba em trưa đi là chiều về đây một xuồng củi được, và việc của mẹ em là chỉ tiếp

ba em dỡ từng cây đước chất lên bờ thôi. Hoặc chẳng hạn như mùa mưa tới, nhà cần xóc nóc lại cho khỏi bị dột, bây giờ mẹ cũng phải leo lên đón lấy những tàu lá xé do bà nội chuyên cho rồi gập tréo lên cây đòn dong... Mấy năm nay mẹ đỡ vất vả hơn vì em đã giúp mẹ được nhiều việc. Em và mẹ rút cuộc đã đứng vững như hai tàu lá lớn nhỏ đứng kề nhau ngoài bờ sông, gió thổi ù ù cũng không rạp xuống được.

Nhưng lắm lúc em thấy cũng khổ lắm. Dầu sao em cũng thiếu mất ba em. Biết bao lần em tủi thân suýt khóc lên khi thấy các bạn nhỏ khác được ba chúng ghé đôi vai vạm vỡ công chúng làm trò phi ngựa lội dưới sông hoặc còn quán cho chúng những chiếc vòng thắt

kiểu chân rết coi ngọ hết sức. Thật ra, một chiếc vòng bằng lá dừa như thế em cũng biết quăn. Và em đã quăn một chiếc. Nhưng lạ chưa, khi đeo nó vào cổ em lại thấy còn buồn tẻ hơn. Chẳng có gì đáng gọi là lý thú. Em tháo chiếc vòng ra khỏi cổ thần thờ nhìn nó, rồi tự nhiên hai ngón tay em buông lỏng để chiếc vòng rơi xuống đất...

Điều này cũng thật là giản dị lắm !

Em cần chiếc vòng từ bàn tay ba em quăn nên, chứ em chẳng cần chiếc vòng do em tước lá tự quăn lấy. Vậy nói đúng hơn, em thiếu một ba em chứ em không thiếu một chiếc vòng..

Xã của em là một trong những xã về tay cách mạng đầu tiên ở chót mũi Cà mau. Trường xã được

dựng lên trên bãi cỏ hoang, nơi ba em và chú Sáu đã chết. Mẹ em cho em đến trường học. Hết mùa mưa lại đến mùa nắng ráo. Em yêu mùa nắng hơn những ngày mưa dầm lê thê. Mùa mưa, con nước lại dâng lên. Em thấy sợ những đêm nước ngập vào nhà, sợ những giấc chiêm bao hiển hiện một cái hòm kiu kịt trên cây đòn khiêng, em sợ những cây đèn cây leo lét cháy nhều ròn xuống như những giọt nước mắt bằng sáp, em đau lòng chỉ được gặp ba em từ xa, từ xa giơ tay lên vẫy em rồi lại biến dần đi như trong mơ. Em chờ đợi mùa nắng và lòng em khắp khởi khi mỗi sáng thức dậy thấy ánh mặt trời lên rực rỡ trên cánh đồng. Sân trường bị lầy lội trong tháng nước sẽ bắt đầu khô lại, em cùng các bạn có thể múa

được nhân giờ ra chơi giữa buổi học. Con đường từ nhà em dẫn tới trường học sẽ dễ đi hơn. Em có thể ghé lại thăm mộ ba em, thăm bụi bông trang coi ngày hôm ấy nó có nở ra được bông nào nữa không. Mùa nắng đến với cái làng nhỏ ở mũi Cà mau này thực là đẹp. Đối với em bé Hà, đó là một mùa vui, bụi bông trang em trồng trên mộ ba em tới mùa nắng này đã được ba tuổi. Trên đường tới trường, em nhìn thấy những bông trang đỏ rực giữa khóm lá xanh tươi.

Trưa hôm nay em cũng có ghé lại ngôi mộ. Cách một tiếng đồng hồ sau, không ngờ cô giáo đã đọc một bài chính tả mà em không tài nào viết thẳng tới được. Em chỉ có thể viết đến câu : "Trên cái nền đất này là trường học thân yêu của em,

mấy năm trước là một nơi đầm đìa máu đỏ..." Thế rồi em không viết được thêm một chữ nào nữa. Ngòi bút của em này giờ vẫn dừng lại ở chữ "máu đỏ..." Mực trên ngòi bút em đọng xuống giấy một đốm tím. Nước mắt em rớt xuống khiến đốm mực nhòe ra.

Em khóc. Các bạn nhỏ cùng lớp đều khóc theo. Cặp mắt cô giáo ướm đầm. Cố nén xúc động, cô bảo cả lớp với giọng nghẹn ngào :

- Thôi, các em lau nước mắt đi, rồi chúng ta sẽ viết tiếp...

Cô giáo lại đọc tiếp bài chính tả. Giọng cô run run không bình thường. Những mái đầu của các em lại cúi xuống, hí hoáy viết. Lớp học bây giờ chỉ còn lại tiếng sột sột mũi và tiếng ngòi bút sột soạt trên mặt giấy. Đằng sau trường học, cánh

đồng lúa chín tới đang rì rào.
 Những cây đước chống trực thẳng
 đổ bộ nhọn hoắt tua tủa chia lên
 bầu trời chói nắng, xanh và cao
 thăm thẳm.

Tháng 7 năm 1963

ÔNG GIÀ VỀ HƯU VÀ NHỮNG ĐỨA TRẺ

*"Làm sao để khi từ giã thế giới,
ta không chỉ nằm xuống như một
người lương thiện, mà điều quan
trọng là ta có thể giã từ một thế
giới lương thiện hơn".*

Lời cô Gian-nơ trong vở kịch "Cô Thánh
Gian-nơ ở lò sát sinh" của Béc-tôn Bréch.

Vào lối gần ba giờ khuya, ông
Sáu Thiệt chợt giật mình thức giấc.
Trong phố vừa dậy lên tiếng la
thét, kể có mấy phát súng nổ và
tiếng chân rượt đuổi rầm rập. Nằm

bên cạnh, bà Sáu cũng trở mình, day qua phía ông khẽ hỏi :

- Gì vậy anh ?

- Chắc có trộm leo nhà ai, đó, đang bị phường đội rượt !

Bà Sáu nằm im một lát rồi chép miệng :

- Hổm rày thấy êm êm, mình đã mừng, bây giờ lại...

- Ờ, nói chung ở phường nào mà còn vụ đó thì mất vui. Để yên, coi mấy chú phường đội có bắt được thằng ăn trộm này không...

Ông Sáu không phải đợi lâu. Chỉ một lát sau, có tiếng chân rình rịch kéo ngang qua cửa nhà ông, và một chú phường đội nào đó lên giọng hăm he :

- Trận này mày chết, trận này mày ở tù rục xương rồi Còn ơ !

Ông Sáu nhồm ngay dậy, vén mùng bước xuống giường, mò mẫm bật đèn. Rồi ông mở cửa đi gấp ra. Tốp phường đội vừa mới qua khỏi. Nhưng dưới ánh đèn đường rọi sáng, ông Sáu ngó thấy, đi trước mấy chú phường đội cầm súng, quả là thằng Còn thật. Nó bị trói, đi lừng lững, trên người vẫn mặc bộ đồ lính ngự cũ tã, và cái đầu tóc của nó lúc nào cũng cứ xúng lên. Ông Sáu đứng yên trước cổng, dòm theo. Cho tới khi thằng Còn cùng tốp phường đội rẽ khuất sang một lối phố khác, ông mới trở vào. Không nói không rằng, ông tắt đèn, lên giường nằm lại như cũ.

Bà Sáu hỏi :

- Sao, bắt được rồi hả anh ?

- Ờ, lại thằng Còn...

Ông Sáu miễn cưỡng đáp, giọng buồn bã. Từ đó, ông nằm yên không nhúc nhích, cố dỗ lại giấc ngủ. Nhưng ông không thể ngủ lại được. Chuyện thằng Còn một lần nữa leo trộm nhà người ta vừa bị bắt khiến cho mấy chú phường đội hỏn hỏ vui mừng, nhưng ông thì ngược lại, ông lại thấy buồn, thấy trong lương tâm tuồng như có điều căng đẵng. Thằng nhỏ ấy đi ăn trộm bị bắt lần này là lần thứ hai rồi chớ không phải lần đầu. Thành ra ông Sáu càng khẳng định nó không phải là thằng trộm nghề. Bởi vì nếu là trộm nghề, dễ gì bắt được nó ngon ơ như vậy. Thằng trộm nghề nhất định phải có mảnh lối lừa lọc tối thiểu, chớ đằng này hầu như lần nào vừa trở ngón, nó cũng đều bị tóm.

Song, sự nhận xét và suy ngẫm của ông Sáu không chỉ căn cứ ở tính chất của một tên trộm. Sự nhận xét của ông bắt đầu từ con người thẳng nhỏ, từ thằng Còn, sau khi ông về hưu hẳn tại phường này với cấp bậc thượng tá. Trước lúc nghỉ hưu, ông đã ở đây, trong ngôi nhà vợ ông thừa hưởng của gia đình, nhưng lúc đó hầu như suốt ngày ông làm việc tại Cục Chính trị Quân khu, cho nên đối với phường khóm vẫn có sự cách biệt. Chỉ gần một năm nay, ông mới biết rõ phường ông, biết rõ thế nào là một cái phường. Theo ông, đó là một xã hội thành phố thâu nhỏ lại chừng mười lăm ngàn dân, gồm đủ loại người, với đủ các loại sự cố vui buồn, xấu tốt, gian ngay. Ở đó, ông cảm thấy mình như được gắn trả

vào mạch máu luôn phập phồng, cái nhịp đập tức thời của đời sống, từ sự nhỏ nhoi ti tiện cho tới sự tốt đẹp lớn lao, ở những căn nhà chật chội cho tới bên trong các ngôi nhà sang trọng. Chính ông cũng không ngờ rằng việc về hưu, trước nay được không ít người coi như là một cảnh đời buồn, "ô-tô không có mà đi, bản tin xanh không có mà đọc, quyền hành không có để điều khiển", thì bây giờ sau một năm về hưu, ông lại thích thú nhận ra những năm cuối đời, mình như được trả về giữa dòng cuộc sống tươi rói, và chính điều đó đã làm cho ông cảm thấy như mình trẻ lại. Đối với ông, giờ đây chỉ có một điều đòi hỏi duy nhất là lăm lũi nhập vô dòng sông đó, không đứng rời ra, mà cũng không đứng ở bên

trên. Ông đã sinh hoạt. Chi bộ Đảng và tổ dân phố không sót một buổi. Ngoài ra, ông vẫn thường đi xếp hàng mua gạo và nhu yếu phẩm. Trừ các anh chị ở phường, ít ai biết ông là một thượng tá. Người ta chỉ biết đó là một ông già trước ở bộ đội, bây giờ về hưu, bình thường hết sức, vì đi đâu ông cũng mặc quần bộ đội đã bạc, sơ-mi ngắn tay trắng và đầu đội chiếc mũ cối cũng đã cũ.

Chính nhờ một lần đi mua gạo mà ông Sáu biết thằng Còn. Hôm ấy trong lúc đứng đợi tới lượt mình, ông thấy nó với năm ba đứa khác nhỏ hơn, cả trai lẫn gái, lớn vồn tại cửa hàng gạo. Nó là đứa lớn nhất, trạc mười bảy mười tám, cầm đầu tốp nhỏ ấy với hai cái xe cày tự tạo, chấp vá, có bánh dầy. Hễ một lần được mồi, ông nghe lũ trẻ gọi :

- Anh Còn ơi ! Em đi chuyến này nghen !

- Anh Còn, đi tới đường Nguyễn Văn Trỗi, lấy bao nhiêu ?

Vậy là Thăng Còn đứng ra phân công, tính giá. Có nhiều người mua gạo xong đèo xe đạp về, nhưng cũng có nhiều người thuê lữ trẽ. Lần đó, ông Sáu đã gọi tụi nó chở, mặc dù ông đi xe đạp, nhưng ông nghĩ : "Để tụi nó chở, tụi nó mới có miếng ăn !". Khi biết nhà ông ở cách cửa hàng gạo hơi xa, thăng Còn bảo lữ trẽ : "Thôi, để tao đi !". Ông để ý thấy có sự cằng đáng việc nặng nhọc, chứ không phải chỉ đóng vai trò thằng trùm nhóc đứng chỉ tay năm ngón. Điều làm ông hơi ngạc nhiên nữa là về tới nhà, sau khi nó vác bao gạo xăng xái đem tuốt vô bếp, ông móc bóp đưa nó

một đồng, thì nó nói : "Cháu xin ông năm mươi xu thôi !". Cho nên ông đã nhìn nó như một thằng nhỏ biết điều, ít nhất nó còn có sự lương thiện. Từ đó, ông để ý tìm hiểu, được biết, thằng Còn và lũ trẻ đều không có nhà cửa, cha mẹ. Lúc nào chúng nó cũng quần quanh trong xóm, thằng Còn đi đầu, cao lêu nghêu trong bộ đồ lính cũ rách, và lũ trẻ đi sau áo quần cũng tả tơi như nó. Đạo ấy, cái điều mà ông còn lơ mờ chưa rõ là không biết đêm đêm thằng Còn và lũ trẻ ngủ ở đâu. Ông đã đem chuyện này hỏi bí thư chi bộ, cũng vốn là một trung úy trẻ chuyển về. Anh bí thư bảo rằng chính anh ta cũng không rõ, anh nói chúng ngủ ngoài chùa gì đó. Lần ấy, ông Sáu đã nổi nóng nhưng ông kịp dần được, chỉ cười

nói : "Chính đồng chí là người phải rõ việc đó hơn ai hết đấy đồng chí à !". Vậy rồi sau đó, tự ông đi theo dõi. Cuối cùng ông mới vỡ lẽ thằng Còn và lũ trẻ không hề ngủ ở đình chùa nào hết. Chúng nường náu ở một nghĩa địa, chúng ngủ trên những ngôi mộ.

Thật ra, nhiều khi ông Sáu nghĩ mình có thể bỏ qua việc đó không cần biết thằng Còn và lũ trẻ nường náu ở đâu thì cũng không có ai nói gì, kể cả chi bộ ông đang sinh hoạt sẽ không có ai cất vấn và đòi ông gánh lấy trách nhiệm ấy. Đó là trách nhiệm của phường, của tổ chức thương binh xã hội, của tổ dân phố. Đối với ông, gác qua những chuyện như vậy dễ dàng quá, ông sẽ càng có thêm nhiều thời giờ phụ tiếp với vợ ông nuôi đám

gà, lo chăm sóc vườn rau và vườn thuốc nam, rồi ông đọc sách, cùng vợ trao đổi về một quyển tiểu thuyết nào đó, vốn là thể loại mà cả hai ông bà đều rất ham mê. Can chi mà ông phải lo tới lũ trẻ kia. Việc chung, ông đã lo cả một đời, từ thời trai trẻ, từ năm Bốn lăm "nóp với dáo mang trên vai" cho tới chuyến vượt Trường Sơn trở về dự vào cuộc chống Mỹ muôn phần ác liệt. Gần đây, mảnh đạn pháo mà ông nhận lấy tám năm về trước trong một trận đánh trên lộ Nhà Bích, sau một thời gian nằm im bên dưới bả vai, giờ bắt đầu động cựa, sinh sự, làm cho sức khỏe ông giảm sút, ông mới chịu về nghỉ, chớ trên Quân khu vẫn muốn lưu ông lại. Ông có hai đứa con trai, nhưng giờ không còn đứa nào nữa. Năm Sáu

mười, từ miền Bắc vượt Trường Sơn về, ông liền móc nối gặp lại vợ. Việc đầu tiên là dẫn vợ tìm mọi cách giao hai đứa con cho ông. Và, ông đã lần lượt đưa cả hai đứa vào bộ đội, bất chấp mọi nỗi lo lắng, gạt tất cả mọi xót xa của vợ và của chính mình đối với những đứa con rút ruột đẻ ra. Kiên trì ý định đưa con trai vào bộ đội, nơi mà qua ông, ông cho rằng đó là một trường học vĩ đại nhất của tuổi trẻ. Ngày giải phóng về Sài Gòn, ông gặp lại vợ, là một cô giáo cũ, nay đã trên năm mươi. Thời xuân sắc của vợ ông đã qua đi trong cuộc kháng chiến chống Pháp và những ngày ở lại sau Hiệp nghị Giơ-ne-vơ. Đến khi ông trở về là những năm chống Mỹ còn khó khăn gian khổ hơn gấp

bội, họa hoàn lăm vợ chồng chỉ gặp nhau vài lần. Người vợ đó ở giữa thành phố, vừa dạy học, vừa hoạt động, đêm ngày phập phồng lo lắng cho chồng cho con, nhưng rồi cuộc hai đứa con đều lần lượt hy sinh, chỉ còn chồng trở lại. Ngày ba mươi tháng tư. Khi lũ trực thăng kẻ thù tháo chạy vừa ngớt tiếng vỗ đập phanh phạch trên bầu trời Sài Gòn và khi tiếng xe tăng của quân ta âm âm tiến vào, thì chiều hôm sau, người vợ nghe tiếng gọi cổng. Bà gặp lại chồng đứng trước ngõ, cái ngõ mà ba mươi năm trước, khi còn là một thanh niên hăm tư tuổi, ông Sáu đã ghé qua để từ giã bà trên đường cùng đơn vị rút vào khu. Hồi đó bà là một cô giáo mới hai mươi, một nữ học sinh sư phạm mới ra

trường, con gái út của một gia đình công chức khá giả. Lúc ra đi, ông Sáu không tính là cưới được bà, vậy mà hai năm sau, bà đã trốn gia đình vô bụng, với mục đích chính chưa phải là đi kháng chiến mà là đi kiếm ông. Đó là một người con gái có lòng can đảm và giữ trọn lời hứa, nên ông vô vàn yêu quý khâm phục. Ông gẫm rằng, chưa nói tới cái gì khác, chỉ nói riêng vì tình yêu mà dám lặn lội ra đi, cũng đã đủ để ông khâm phục rồi. Nhưng chính nhờ đó, bà đã ở luôn tham gia kháng chiến. Khi ông đi tập kết, bà đưa hai con nhỏ xuống Chắc Bãng tiễn ông, rồi đem con về thành phố. Cha mẹ bà đều đã qua đời, các anh chị bà đã ra ở riêng, để lại ngôi nhà cho bà. Từ sau ngày

giải phóng, ông Sáu về ở đây, trong ngôi nhà mà vợ ông đã cất tiếng khóc chào đời, đã chập chững đi và đã lớn lên.

Ngôi nhà xây từ thời Pháp, đã được tám mươi một năm, tính theo năm ghi trong con số nổi trên cửa chính. Ngôi nhà không lớn mà cũng không nhỏ, xây trệt, còn chắc chắn và kiểu hơi cổ, giống như nhiều ngôi nhà hạng trung của thời Pháp còn sót lại trong thành phố. Vào những tháng cuối năm, khi mưa nhiều và gió bão tràn về, ngôi nhà trở nên hiu hắt hơn trong sự yên tĩnh vốn có, nhất là nhà chỉ có hai ông bà mà không có trẻ. Ông cũng như bà, trong lòng người nào cũng đã biết bao lần thầm nghĩ : "Phải chi hai đứa nhỏ bây giờ còn...". Nhưng không ai dám thốt ra điều ấy.

... Từ lúc xảy ra cuộc rượt bắt thằng Còn, ông Sáu vào giường nằm thao thức không ngủ lại được. Ngoài phòng khách, chiếc đồng hồ treo tường hiệu "Oét-min-xơ" kiểu rất cổ đã bắt đầu thả dạo một điệu nhạc rồi dọng lên bốn tiếng ngân nga mãi không dứt. Bao năm tháng đã qua đi mà chiếc đồng hồ vẫn giữ được nguyên thanh âm xưa. Đêm đầu tiên ông Sáu trở về, bà Sáu nói với ông : "Mỗi lần nghe tiếng chuông đồng hồ, em như ngó thấy lại những kỷ niệm !". Từ ấy, năm năm đã trôi qua, hai vợ chồng lúc nào cũng thức dậy vào lúc đồng hồ điểm bốn giờ sáng, giờ của những người luống tuổi. Nhưng hôm nay, họ đã thức sớm hơn vì xảy ra chuyện thằng Còn ăn trộm bị bắt. Không riêng gì ông Sáu, bà

Sáu cũng không ngủ lại được. Bà tìm tay chồng, cầm nắm bàn tay gầy guộc ấy trong bàn tay hầy còn có da thịt hơn của mình :

- Này giờ anh thức luôn sao ?

Ông Sáu không đáp, khẽ trở mình, nghiêng về phía bên phải. Bà Sáu đưa tay sờ lên, vai trái của ông :

- Bữa nay anh có thấy bớt đau hơn không ?

- Nó vẫn nhức nhức... Hình như cái mảnh đạn này nó biết cục cựa hay sao ấy !

Bà Sáu liền ngồi dậy, nhè nhẹ xoa vai cho ông, trong khi trên mái ngói chột có tiếng rúc rặc. Những hạt mưa dịu dàng rơi. Ông Sáu nằm yên để vợ xoa vai, lắng nghe cơn mưa trong đêm về sáng. Cái thứ

mưa trước bình minh này thiệt lạ, nó làm cho ông Sáu càng nhận ra sự ẩm cúng hiện tại bao nhiêu thì nó càng gợi ông thấm thía nhớ lại những ngày quá gian khổ bấy nhiêu. Mưa rơi nhỏ nhẹ đưa ông về lại những cánh rừng, những cánh đồng, những con đường trơn trượt cùng những dòng sông mịt mù mà đơn vị ông phải đi tới, phải vượt qua trong cuộc hành tiến quyết liệt hướng về Sài Gòn bấy giờ lúc nào cũng ở trước mặt, đêm đêm vẫn hắt lên bầu trời một vầng ánh sáng đục. Trên con đường đó, nhiều lần ông đã đi, nhiều lần phải quay trở lại, và bao đồng chí đồng đội trong đó có con ông đã nằm xuống. Còn ông, ông về tới được. Giữa giờ phút này, ông thấy mình quá may mắn vì còn có hạnh phúc, dù hạnh phúc

bị chia xẻ, có lúc đứt rời, nhưng vẫn chấp lại được, muện màng một chút và mát mát không nhỏ. Trong buổi chiều tà của đời người, thứ hạnh phúc mà ông còn có được tuy không sôi nổi, vô vập, nhưng ấp ủ bao kỷ niệm, bao tình nghĩa. Đó là thứ hạnh phúc được đổi bằng rất nhiều máu cùng nước mắt. Đã lấy lại được cái lớn quý nhất cho tất cả, trong đó có ông, nhưng vẫn chưa hàn lại được cái đổ bể. Vừa rồi đó, trong đêm yên tĩnh, cả phường phố đang ngon giấc lại ùng ùng nổ vang mấy tiếng súng. Nhiều lần ông bảo vợ rằng, những tiếng súng như thế, nghe nó nổ tới đâu ông phát rầu tới đó. Ông gọi là những tiếng súng bất đắc dĩ.

Bà Sáu đã ra khỏi mùng, vào bếp bắc nước. Lát sau, ông Sáu cũng

trở dậy, sửa soạn ấm chén để pha trà. Đó là cử trà thứ nhất của ông trong ngày. Cái thứ này riết rồi lây sang cả bà Sáu.

Nhấp hớp trà nóng đầu tiên, ông Sáu chớp chớp miệng, đặt tròn chén xoa xoa vào lòng bàn tay, bảo vợ :

- Anh muốn bàn với em chuyện này... Bữa nay anh tính tới đảng phường lãnh thẳng Còn !

Bà Sáu ngược nhìn ông :

- Xin tha nó ra ?

- Ờ, xin tha cho nó, và lãnh nó đem về nhà mình...

Bây giờ thì bà Sáu lộ vẻ ngạc nhiên thật sự :

- Nhưng mà... làm thế nào mình có thể giữ gìn kèm cặp nó nổi ?

Ông Sáu lắc đầu :



- Mình đem nó về không phải để giữ gìn kèm cặp, mà mình thử phụ tiếp chọn cho nó một con đường. Thằng nhỏ này không xấu đâu, cũng không phải do nó lười biếng. Sở dĩ nó phải đi làm việc xấu, anh nghĩ là vì nó bí lối. Đạo này ở cửa hàng gạo coi bộ thừa người muốn tụi nó chở gạo lắm. Ai cũng phải tiết kiệm từng đồng... Hình như chúng ta chưa mở lối cho nó đi. Các đồng chí ở phường thì bề bộn nhiều công việc quá nên lo không xiết. Vợ chồng mình đã yếu rồi, từ đây cho tới lúc nằm xuống e không còn làm nên được việc gì lớn, vậy mình ráng làm thử cái việc nhỏ này. Thiệt ra... cũng không phải là nhỏ đâu.

Bà Sáu lắng nghe ông Sáu nói. Đôi mắt bà chợt sáng lên, lóng lánh

dưới cặp kính. Bà chợt hiểu ý định của chồng và bà liền cảm thấy không thể mà cũng không nên cản ngăn ý định đó nữa, tuy giữa lòng bà vẫn cứ nơm nớp lo âu.

Dường như đoán được mối lo đó, ông Sáu nói thêm :

- Mình sẽ để thằng bé ở nhà mình cao lắm là một tháng. Trong một tháng đó, mình cố gắng thuyết phục nó một điều : hãy đến với lao động, đến với một đội ngũ lao động tập thể. Đồng thời riêng anh, anh sẽ thương lượng với Tổng đội Thanh niên xung phong, thu nhận cho nó đi vào chuyến tới, chỉ một tháng nữa là có chuyến !

- Đi đâu anh ?

- Đi xuống An Biên, ở Miệt Thứ đó em. Anh có quen bên Tổng đội, để anh nói với anh em gửi gắm nó.

Tốt lắm. Nó sẽ cùng mọi người xuống đó vỡ đất làm ruộng, lập nên một vùng kinh tế mới, rồi nó sẽ nên người...

- Nghe nói miệt đó, muỗi đĩa dữ lắm, sợ xuống đó cực khổ, thằng nhỏ lại bỏ trốn thôi !

- Có thể... đã có nhiều đứa trốn, nhưng bao giờ số đông cũng ở lại. Anh tin thằng Còn sẽ ở trong số đông đó, thằng nhỏ này không đến nổi đâu. À, anh mới biết điều này về nó nữa. Hồi trước, ba nó đạp xích-lô, bị xe nhà binh Mỹ cán...

- Vậy hả anh ?

- Đúng như vậy, là vì anh hỏi nó mà. Ban đầu nó cứ nín thinh, mãi về sau nó mới kể, nó kể rất chi tiết, nghe thiệt thảm... Khi nó tới chỗ cái xe xích-lô bị cán bẹp thì ba nó chỉ còn là một đồng thịt nát bấy...

Bà Sáu im lặng, đưa mắt nhìn chồng. Sau làn kính, bà như vừa nhận ra thêm một cái gì đó ở nơi chồng mà bà vừa mới biết.

*
* *

Chị Lộc, Chủ tịch phường, một phụ nữ hơi gầy trạc bốn mươi, sáng nay vừa ngồi vào bàn làm việc tại trụ sở Ủy ban phường, thì ông Sáu đến. Chị chủ tịch là một người đàn bà góa, có chồng trước là một tiểu đoàn trưởng đã hy sinh trong cuộc tổng tấn công Xuân Mậu Thân. Thấy ông Sáu đến, chị lật đật kéo ghế, rót nước mời ông uống. Lần nào gặp ông Sáu, chị cũng mừng rỡ, hồ hởi. Khi nghe ông đặt vấn đề xin lãnh thằng Còn chị liền vui vẻ đồng ý, hứa sẽ bàn để thả nó ra

ngay. Nhưng khi ông Sáu nói rằng không phải ông chỉ xin thả nó ra mà con lãnh nó về nhà thì bấy giờ chị hơi sững sốt :

- Hai bác đều đã già yếu. Tụi cháu muốn sao hai bác tỉnh dưỡng cho khỏe, chớ lãnh thằng Còn về, rủi nó phá phách, hai bác chịu gì nổi ?

Thế là ông Sáu lại phải từ tốn trình bày cho chị nghe cái ý định của ông. Sau hết, ông cười bảo :

- Mấy cháu đừng lo, cứ để bác thí điểm coi sao. Nếu giải quyết hướng đó tốt, thì rồi phường mình cũng theo đó mà làm. Nhược bằng không được như ý thì mình lại tính kế khác, có lỗi lãi gì đâu !

Chị Lộc còn ngần ngại, nhưng vì nể và thương ông già, chị xúc động kêu lên :

- Trời ơi, nếu bác tính cang đáng tiếp với tụi cháu như vậy thì tụi cháu cảm ơn bác biết chừng nào. Thôi để cháu nói liền với bên phường đội, đâu như anh em họ nhốt thằng Còn ở bến !

Ông Sáu vội giơ một ngón tay lên :

- Khoan đã, còn vụ này nữa, vụ này thì mấy cháu phải phụ với bác.

- Vụ gì bác ?

- Theo chỗ bác biết, thằng Còn không phải sống một mình. Ngoài nó ra, còn có một tốp nhỏ hơn gồm ba đứa nữa, một gái hai trai. Tụi nhỏ này đều nương tựa vào thằng Còn, ban ngày đi kiếm ăn lây lất, tối tụ về ngủ ở khu mả. Bây giờ vậy nghe...

Ông Sáu dừng lại một chút, bưng ly nước nhấp giọng rồi tiếp :

- Bây giờ nếu bác lãnh thằng Còn, thì tụi nhỏ kia kể như tróc gốc, bơ vơ, nên mình phải tính sao đây...

- Thôi để tụi cháu gom mấy đứa nó lại rồi chuyển lên trại trẻ mồ coi trên Thủ Đức là ổn nhất !

Nhưng ông Sáu nín thinh, không tỏ vẻ háo hức gì lắm với cái biện pháp đó của chị Lộc. Ông biết ngay rằng đây chỉ là cách làm của một người quá bận rộn, của một chủ tịch phường khi nào cũng muốn tháo gỡ nhanh để còn lo bao chuyện khác, chớ chưa lường tính sự tháo gỡ ấy sẽ đi tới đâu, có hiệu quả như thế nào. Ông Sáu hơi phật ý khía cạnh đó, nhưng lâu nay ông vốn có cảm tình đối với người quả phụ này, và thông cảm sâu sắc trước bao công việc bộn bề phức tạp

mà chị dám hứng chịu, đảm đương gánh vác cho cả một phường, nên ông chỉ lặng lẽ đưa cặp mắt hiền hậu nhìn chị mà nói :

- Không cháu à, trại nuôi dạy trẻ mồ côi trên Thủ Đức cũng đang gặp khó khăn đấy, bác biết. Trại đó đã chứa quá đông, nghe đâu lo không xuể, gần đây gặp cái tình trạng cứ như là bát cóc bỏ đĩa... Chúng ta có những trại kiểu đó, nhưng cũng phải có những trại kiểu khác. Bác tính vậy : Trong phường mình có nhiều tổ hợp, hợp tác xã thủ công không ai đòi hỏi tay nghề gì lắm, ví dụ như hợp tác xã đan lát, tổ hợp làm khóa, làm kéo... Cứ cho mấy đứa nhỏ vô làm ở đó rồi thu xếp chỗ ở cho chúng luôn... Lẽ nào cả phường mình lại không lo được chỗ, để tụi nó ở vất vưởng ngoài mã coi sao được !

Chị Lộc gật đầu, thở nhẹ một cái, tự giận mình sao bấy lâu nay không nghĩ ra chuyện ấy. Chị hứa hết sức giải quyết và cảm ơn ông Sáu một lần nữa, rồi vắn vắn hai bàn tay, chấp nơi ngực, mời ông Sáu cùng chị đi qua bên phường đội để lãnh thằng Còn.

Việc lãnh thằng Còn ra quá dễ dàng. Chỉ một lát sau, ông Sáu đã đi về với nó. Trên đường, ông Sáu thủng thẳng đi trước, thằng Còn theo sau, coi bộ hơi ngượng, nhưng ngoài mặt nó làm ra vẻ dửng dưng, bất cần, những cái đầu của các bà các cô ló ra sau khung cửa dòm ngó, chỉ chỗ, bàn tán. Có một đám con nít chạy theo coi. Thằng Còn dợ tụi nó tới gần, bèn ngoái lại dậm chân, giơ nắm tay lên dứ dứ khiến lũ trẻ hoảng hồn chạy tóe trở lại. Khi đó thằng Còn bật cười. Lũ

trẻ nhận thấy không có gì đáng sợ mà còn vui nữa, nên chúng lại lẳng nhẳng bám theo. Mãi cho tới lúc ông Sáu dắt thằng Còn về tận cổng nhà, đám con nít mới giải tán. Nhưng khi bà Sáu ra mở cổng để ông Sáu và thằng Còn vào và khi cánh cổng đã khép lại thì từ xa lại xuất hiện một tốp trẻ khác, ăn mặc rách rưới, tất cả chạy tới, đi đầu là một đứa con gái tuổi chừng mười lăm với hai đứa con trai nhỏ hơn vài tuổi. Cả ba đứa dừng lại trước cánh cổng vừa mới đóng. Một thằng nhỏ kiễng chân, ghé mắt dòm qua khe cửa, lát sau dấy ra thì thào :

- Chị Hà, ông già dắt anh Còn vô nhà rồi. Hồng biết ông tính làm gì anh Còn mình ?

Thằng nhỏ kia nghe nói liền nhẩy tới bám dính vào cánh cổng,

dòm qua kẽ hở. Đứa con gái nắm tay hai thằng nhỏ kéo ra :

- Tụi bay đừng chọn rộn. Ông Sáu bà Sáu đây hiền khô hề. Hai ông bà đó chắc không có làm gì anh Còn đâu, để một chút rồi tao vô hỏi thăm coi sao... Trong lúc tao vô, mấy đứa bay tản đi, chớ đừng chùm nhum ở đây, ông bà lại tưởng là...

Tội nghiệp con bé, bao giờ nó cũng có mối mặc cảm trầm trọng đó, dù nó và bọn trẻ thiệt ra chưa đứa nào làm cái việc tệ như thằng Còn làm. Mà ngay như việc thằng Còn đi ăn trộm, cả hai lần chúng đều không biết, là vì tự thằng Còn lén đi một mình, do mấy bữa nay thấy chúng đói quá, thằng Còn xốn xang chịu không nổi. Chuyện vỡ lở ra, con bé Hà vừa giận vừa thương

thằng Còn. Trong tình cảm lẫn lộn đó, con bé thương nhiều hơn giận. Sáng sớm hay tin thằng Còn bị bắt, nó khóc nức nở, lo sợ cho thằng Còn thì ít, nhưng xúc động thương thằng Còn đã vì chúng nó mà đánh nước bài liều. Sáng nay, nó đã cùng hai đứa kia tới chỗ phường đội dò phóng tin tức coi sao, thì được biết ông Sáu đã lãnh thằng Còn ra, cho nên con bé với lũ trẻ mới đi tới đây. Bây giờ chưa hiểu sự thể ra sao, nó sốt ruột muốn vô hỏi, nhưng còn do dự chưa dám gõ cửa. Sau cùng, vì có ấn tượng tốt đối với ông bà Sáu qua việc ông Sáu tử tế hỏi thăm thằng Còn và chúng nó, nên nó mạnh bạo bước rần lên, gõ nhẹ nhẹ vào cánh cổng. Trong lúc đó, hai đứa nhỏ chưa nghe lời nó tản đi, vẫn cứ còn lảng cháng ở đấy. Người

ra mở cổng là bà Sáu. Bà dăm dăm nhìn con bé rách rưới :

- Cháu có chuyện chi ?

Con Hà lấp bắp :

- Thưa bác, con... con muốn hỏi thăm có anh Còn ở đây không ?

Bà Sáu nhìn con Hà suốt lượt và đáp :

- Có, nó ở trong nhà... Nhưng cháu là ai, cháu là gì với cháu Còn ?

Con Hà lúng túng không đáp, cúi mặt nhìn xuống. Giữa lúc đó, ông Sáu từ trong đi ra, thấy con bé là ông nhận ra ngay :

- A, cháu muốn hỏi cháu Còn chứ gì ? Vô đây !

Chợt ông ngó thấy còn hai đứa đứng gần đó, xưa nay cũng ở trong

tốp của thằng Còn, thì ông mở hoác cổng kêu vô luôn.

Đám trẻ dè dặt đi theo ông bà Sáu vào nhà. Chúng gặp thằng Còn ngồi ở mép cái di-văng đặt tại phòng khách. Thằng Còn ngó liếc thấy chúng, nhưng vẫn không ngẩng mặt lên. Ông Sáu bảo :

- Mấy cháu ngồi xuống hết đi. Đó, bác vừa đi lãnh cháu Còn về đó. Hồi đêm hôm, thấy cháu Còn làm chuyện như vậy là bậy bạ quá... chắc các cháu cũng đã biết, bác không nói lại, bấy giờ thì...

Ông Sáu mới nói tới đó, thỉnh linh con bé Hà vụt meo xệch môi, rồi nó khóc thút thít. Ông bà Sáu đều ngạc nhiên. Bà Sáu bước tới bên nó :

- Sao cháu lại khóc, ông bà đã lãnh cháu Còn về rồi !

Con bé Hà răng dần, nhưng không thể được. Giữa cơn tức tưởi, nó bắt đầu kể vì sao thằng Còn đi làm chuyện ấy. Nó kể hết, nó nói hết. Câu chuyện nó kể bị đứt rời, bởi tiếng khóc của nó cứ bắt nó phải nghẹn ngào dừng lại từng chập.

Có dần lòng mấy, bà Sáu cũng phải rưng rưng theo, mắt đỏ hoe. Đợi một chút cho sự mũi lòng đó lắng xuống bớt, ông Sáu mới nói :

- Thôi, bây giờ các cháu nghe bác nói đây. Thằng cháu Còn cứ ở lại đây với bác chừng mười bữa nửa tháng, rồi bác tính sau. Mấy cháu thì nay mai cần phải đi làm, làm theo sức của mình, chuyện này bác đã bàn với trên phường... Rồi sẽ kiếm chỗ cho mấy cháu ở, chỗ đâu có ở ngoài chòm mả đó hoài được !

Đám nhỏ ngược nhìn ông Sáu. Thằng Còn bỗng để ý thấy ông đang nói những lời hết sức hệ trọng, khiến nó chớm biết vì sao mà nó được lãnh ra. Con bé Hà nín dần tiếng khóc, đặt đôi bàn tay gầy gò đen đui lên gối quần rách, mở to mắt như thể đang nghe thấy một sự kiện lạ thường.

Quả là đối với bốn đứa trẻ này, lần đầu tiên trong đời, chúng nó nghe có người nói với chúng những điều như vậy. Không có đứa nào ngỡ ngàng. Chúng nó còn nửa tin nửa ngờ. Tuy vậy, dưới con mắt, dù còn trẻ dại, chúng vẫn thấy người vừa nói với chúng cái điều nghiêm chỉnh, ông già bộ đội về hưu này, không thể là một người tính gặt gẫm chúng. Chính ông ấy, sau đó đã kêu vợ ra nói nhỏ, nhưng chúng thoáng nghe được :

- Anh còn nói chuyện thêm với mấy đứa nó một chút. Em coi nhà còn gì ăn không, nếu không thì em đi chợ, trưa nay mình giữ tụi nó lại ăn cơm nghe em !

Việc lo cho những đứa trẻ theo hướng mà ông Sáu và chị chủ tịch phường đã bàn cũng có gặp một số khó khăn, nhưng cuối cùng mọi sự rồi cũng xong.

Thằng Còn ở nhà ông bà Sáu không tới một tháng thì nhập vô thanh niên xung phong đi xuống An Biên. Trong một tháng ở nhà ông Sáu, nó không gây ra một chuyện gì trực trặc đáng chê trách, chỉ có mỗi một tật hễ có tiền là nó xài lớn, ra tiệm uống cà-phê và hút thuốc đầu lọc. Thật ra nó chỉ một lần có tiền, do bà Sáu đưa cho sau khi nó ra sức cuốc xới hết phần đất

còn lại quanh nhà để trông xuyên tâm liên, và lần sau cùng là lúc lên đường, bà Sáu đưa cho nó năm chục đồng. Vài ngày trước khi nó đi, bà Sáu đã coi lại quần áo đồ đạc, mua thêm cho nó khăn tắm, quần cụt, sắp đặt cụ bị tất cả trong một cái ba lô bộ đội cũ mà ông Sáu còn giữ kỹ tới bây giờ. Ngoài cái ba lô, ông còn cho nó một cái bi-dông đựng nước có vỏ bọc và dây đeo. Ông nói với thằng Còn :

- Cái ba lô và cái bi-dông này ông đã đeo trên người gần cả chục năm đó cháu. Nó đã cùng ông trải nhiều trận đánh, trải qua những ngày gian khổ hiểm nguy. Sau ngày giải phóng, ông giữ lại để kỷ niệm, nhưng bây giờ ông cho cháu để cháu dùng, để lúc nào cháu cũng nhìn thấy, nhớ là ông đã đeo nó bên mình, ra đi như cháu hôm nay...

Sau thằng Còn, đám trẻ cũng được lo liệu xuôi thuận. Con Hà được chị Lộc đưa vào tổ hợp đàn măng trúc. Hai đứa kia được nhận vào một hợp tác xã chuyên làm phấn viết. Phải nói là sau buổi gặp ông Sáu, chị Lộc đã lo lắng cho mấy đứa trẻ rất tích cực. Ở buổi họp chi bộ, chị vừa tự phê bình thiếu sót của mình, đồng thời đặt ra vấn đề đó, yêu cầu chi bộ quan tâm lo chung. Sau cuộc họp về, đêm nằm, ông Sáu nói với bà Sáu : "Cô Lộc này được lắm, chưa thấy vấn đề thì thôi, chớ khi ngó ra rồi thì quyết sửa quyết làm. Thường mình có được cổ làm chủ tịch thiệt quý, mình phải tiếp cổ... Tội nghiệp, cổ năm nay vẫn còn trẻ mà đã chịu cảnh góa bụa, bây giờ vẫn vững chân đứng ở chỗ đầu sóng ngọn

gió. Để rồi anh coi coi trong đơn vị cũ, có anh nào vừa ý lâu nay còn lỡ dở chưa lập gia đình, mình làm mối lo cho cô". Bà Sáu những muốn kêu lên : "Trời ơi, sức khỏe như vậy mà hết lo đám trẻ giờ lại lo vụ mai mối !". Nhưng bà chỉ nghĩ thế chứ không nói ra, bởi điều ông Sáu động lòng, đó cũng là điều bà trắc ẩn.

Thằng Còn xuống An Biên được ba tháng thì gửi thư về, kể lại chuyện nó xuống dưới đó ăn ở làm lụng ra sao. Lá thư còn sai đây lỗi chính tả, chữ viết to kênh, ngoằn ngoèo. Vậy mà ông Sáu cứ kêu bà Sáu đọc tới đọc lui mấy lượt. Ông Sáu ngồi nghe tùm tùm cười, mắt sáng lên khi bà Sáu đọc đoạn thằng Còn nói về cá, rùa, rắn, về những cánh đồng và rừng tràm ngập đầy

nước đỏ, khi nó khoe rằng nó đã biết lợp nhà, chèo xuồng. Tất cả những chuyện đó đối với nó đều mới lạ, kể cả niềm vui lẫn nỗi buồn cũng mới, ấy là những dòng : "Ở đây đông vui lắm, ban ngày đi làm, tối về hát hò, học chữ, làm thì làm chung, ăn thì ăn chung. Chỉ có mấy bữa chiều mưa, con mới nhớ Sài Gòn, nhớ ông bà, nhớ tụi con Hà...".

Sau lá thư của thằng Còn ít lâu, một hôm có anh đội trưởng thanh niên xung phong dưới An Biên về thành phố họp ghé lại nhà ông Sáu. Anh cho biết thằng Còn xuống dưới đó làm ăn khá, đợt thi đua vừa rồi nó được bình bầu là cá nhân xuất sắc. Anh đội trưởng nói chính anh cũng không ngờ thằng nhỏ khá như vậy, nên ban chỉ huy dự tính mãi đợt xây dựng ở An Biên, sẽ cho

nó về dự khóa bồi dưỡng chính trị và quân sự đặc biệt dành cho anh em xung phong lên làm nghĩa vụ quốc tế ở chiến trường Cam-pu-chia. Anh đội trưởng kể chuyện rồi lấy từ trong túi xách ra hai chai mật ong và bốn chục khô cá sặc rằn, nói là của thằng Còn gửi. Kèm theo ộp khô, có một tờ giấy nhỏ, thằng Còn nắn nót ghi : "Hai chai mật với hai chục khô con gửi ông bà Sáu. Hai chục khô còn lại con nhờ ông bà Sáu đưa cho tụi con Hà".

Những lá thư, chai mật ong và những con khô cá sặc rằn kia đem lại cho ông bà Sáu một niềm vui mới. Cộng vào đó là sự lo toan bước đầu có hiệu quả đối với đám trẻ đã làm cho hai ông bà lấy làm phẩn chấn. Tựa như có một làn gió mát mẽ lùa vào tâm hồn hai ông bà già,

tựa như trong cảnh bóng xế, một lần nữa ánh mặt trời lại tỏa nắng ấm trong ngôi nhà cũ kỹ. Kể ra cũng có hơi chậm trễ một chút, vì lý do chỗ ở chưa xếp được ngay khi thằng Còn đi rồi, tốp con bé Hà phải tháng sau mới rời khỏi khu mỏ, nơi cuộc sống của chúng nó kéo dài hằng bao nhiêu năm. Nhưng cuối cùng chúng nó cũng được đưa ra khỏi nơi chốn buồn thảm ấy vào một buổi sáng đẹp trời. Buổi sáng đó, nhiều người có trách nhiệm trong phường đã nghe theo lời thúc giục một cách rất có ý của ông Sáu đã đến chứng kiến một khu mỏ mà có người lâu nay chỉ nghe nói hoặc đi ngang qua chứ chưa hề đặt chân tới. Không thể nào tưởng tượng nổi đã có những người từ lâu ở đó, trên những ngôi mộ, nấu ăn, phơi

phóng, ngủ nghê, ra đời, trở thành đôi lứa, sinh đẻ, để sống vất vưởng, để rồi nằm xuống, không một ai thọ quá cái tuổi năm mươi. Khu mả biến thành nơi cư ngụ của con người đã có từ lâu, từ các chế độ cũ, nhưng cho đến sau ngày giải phóng, nó vẫn chưa được giải phóng toàn bộ và triệt để. Những người sáng hôm ấy đến để hô hào tập trẻ rời khỏi khu mả, đã ngó thấy hãy còn nhiều người ở đó. Từ ông bà Sáu đến chị Lộc và các anh chị ở phường, ai ai cũng ngó thấy. Ông Sáu hơi buồn, nhưng ông nghĩ như vậy cũng là tốt, cũng là một dịp để anh chị em thấy cảnh tượng kia dặng mà ngó vô cái trách nhiệm của mình. Trước lúc ra về, bằng một giọng trầm trầm, ông Sáu nói với mọi người đứng quanh :

- Chừng nào trong phường mình mà còn cảnh này thì tội mình chưa nên mạnh dạn cầm lấy tấm thẻ Đảng. Hôm nay mình đưa được đám trẻ ra khỏi nơi đây, vậy là mình thấy hơi mạnh mẽ tay đón nhận tấm thẻ Đảng một chút rồi đó... Nhưng mình còn phải tính tới những bà con còn lại nữa, các đồng chí à !

Câu nói của ông Sáu không phải là không làm cho một số người đứng quanh giật mình. Thì ra, ông tiếp tay vô mấy việc đó bằng cả cuộc đấu tranh ráo riết của ông, tựa hồ ông xóc mọi người dậy, nhưng ông không hề làm họ thấy căng thẳng, vì có lúc ông thư hoãn, chờ đợi, đó là những lúc các đồng chí ở phường còn lơ là, còn bê bối hoặc gặp kẹt. Nhưng nếu ai tưởng ông

buông bỏ thì người đó nhâm lẫn. Có nhiều người ban đầu tính đầu đây chẳng qua là những chuyện vặt vãnh mà ông thượng tá già về hưu lắm cảm đặt ra (họ thường cho rằng bất cứ ông già về hưu nào cũng có hơi lắm cảm !) chẳng mấy bữa nó sẽ bị trôi lấp dưới bao công việc khác của phường còn quan trọng hơn, rồi lúc đó ông già cũng chẳng còn nhớ mình đã đặt ra cái gì nữa. Ai ngờ đâu sự thể lại không như vậy. Ông già về hưu này dường như không tính rằng những việc làm ấy của mình là lớn, nhưng cũng không coi đó là vặt vãnh. Vấn đề là ở chỗ nó làm ông bứt rứt, nó làm ông căng thẳng. Ông suy nghĩ và quan niệm giản dị rằng hễ chỗ nào có những người cộng sản thì con người và cuộc sống ở tại chỗ

đó phải khăm khá hơn. Ông muốn sự khá hơn, tốt hơn ấy phải cụ thể chứ không trừu tượng, bởi trừu tượng chung chung theo ông nghĩ là chưa có gì, thậm chí thường dẫn tới thất bại. Mấy mươi năm bộ đội, mỗi khi muốn đem thắng lợi về cho một trận đánh, dù chỉ là một trận phục kích nhỏ trên một khúc lộ, ông vẫn muốn cùng trình sát ngó thấy khúc lộ đó, ngó tận mắt con kinh lộ dài bao nhiêu, cái bụi cây hai bên lộ thưa lá hay rậm rạp, và trước lúc hành quân ông vẫn rà hỏi tới từng bi-dông nước, từng cục cơm vắt.

Thật vất vả nhưng cũng thật may mắn cho cái phường nào có những ông già về hưu như ông. Khổ nỗi, tới khi chị Lộc và anh chị em ở phường vừa thấy ra sự may

mắn đó thì oái oăm thay có một thực tế đáng buồn đang nhích dần tới không tài nào cản lại nổi, là những ông già về hưu, trong đó có ông Sáu - cái thế hệ mà bây giờ chúng ta hay gọi là thứ nhất, thứ nhì chi đó, mỗi năm lại càng ra đi nhiều hơn. Sự kiện này nếu ai để ý kỹ thì sẽ nhận thấy đó là một sự kiện vĩ đại, ấy thế nhưng nó lại diễn ra hết sức lặng lẽ, tựa mùa thu tới, những chiếc lá sinh ra trước nhất là những chiếc lá lần lượt cho mình già biệt cảnh cây đó sớm nhất, dầu rằng trong giây phút chót, nó vẫn chưa muốn vội lìa cành, vẫn muốn gắng sức che chở cho những mầm lá biếc vừa mới nhú.

Vào những ngày cuối tháng mười bước sang tháng một ta, khi thành phố ban đêm đã chớm lạnh,

vết thương cũ của ông Sáu bỗng tái phát gây nhức nhối dữ dội. Suốt mấy đêm liền, ông nằm nghiêng người, chịu đựng cơn đau dày vò, hành hạ. Hầu như ông không còn chớp mắt được nữa. Bà Sáu thức theo ông, đau đớn theo ông. Trong đêm tối, nằm cạnh ông, có lúc nước mắt bà chảy ràn rụa. Hôm đầu tiên ông Sáu trở bệnh, bà đã thu xếp để đưa ông vào bệnh viện, nhưng ông lắc đầu, bảo vào đó buồn lắm, chắc cơn đau rồi cũng hết thôi. Bà Sáu đành nán lại, hy vọng cơn đau của ông rồi sẽ qua đi như những lần trước.

Những lần này không giống những lần trước, mảnh đạn nằm yên tám năm nay dưới bả vai ông giờ đến lúc không chịu nằm yên nữa. Vết thương bên ngoài được

phủ kín bởi một vết sẹo bằng ngón tay út, nhưng hình như bên trong nó đang bươi phá. Đến ngày thứ ba, khi bà Sáu cương quyết đưa ông đi thì ông im lặng không cưỡng lại nữa. Vào đến bệnh viện, theo yêu cầu của bà Sáu và được bệnh viện cho phép, bà đã ở lại luôn, chờ cuộc giải phẫu sẽ diễn ra rất sớm.

Cánh cổng ngôi nhà cũ kỹ của hai ông bà già đã khóa lại. Bà Sáu giao chìa khóa cho con bé Hà đến cho gà ăn và tưới rau. Ngoài hai lân đố, suốt ngày ngôi nhà vắng lặng. Nhưng chiếc đồng hồ cổ vẫn cứ dạo nhạc, đóng lên từng hồi chuông thánh thót.

Giữa những ngày mà bà Sáu, tốp con Hà và anh chị em trong phường đang buồn bã lo lắng về bệnh tình của ông Sáu thì thằng Còn trở về thành phố giữa niềm

sướng vui hồ hởi. Thời hạn đi xây dựng dưới An Biên đã hết. Nó được chọn về dự cuộc liên hoan tổng kết của Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố, rồi sau đó ở lại luôn để dự lớp. Vừa đặt chân tới thành phố lúc xế chiều, thằng Còn xin phép tạm về đây. Nó hăm hở đến trước cổng nhà, gõ cộp cộp mấy tiếng. Người ra mở cổng cho nó không phải là ông Sáu mà lại là con Hà. Thằng Còn vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Trước mắt nó là một con Hà lớn lên thành một đứa con gái cao ráo, ăn mặc tinh tươm chớ không còn rách rưới nhếch nhác như xưa. Trước mắt con Hà, còn đáng sửng sốt hơn, là một anh Còn cao lớn trong bộ đồng phục Thanh niên xung phong màu xanh lá cây sẫm, khiến nó nhìn không muốn ra. Con Hà kêu lớn : "Trời ơi anh

Còn !..." rồi mừng rỡ quỳnh quáng chụp tay thằng Còn, đứng sững mà ngó từ chiếc mũ tai bèo xuống tới đôi dép lốp thằng Còn đang đi. Bỗng lát sau, nước mắt nó ứa ra. Nó kéo thằng Còn vào nhà, kể sơ qua mọi chuyện, trước hết là bệnh tình ông Sáu. Thằng Còn biến sắc, vo chặt chiếc mũ, vụt đứng lên, đòi đi vô bệnh viện ngay. Con Hà cản lại, bảo để dọn cơm cho nó ăn rồi cả hai cùng đi. Thằng Còn nghe theo, nhưng từ lúc đó, nó bồn thần lo lắng không yên. Cơm dọn ra, nó ăn không hết một chén rồi bỏ đũa, đứng dậy.

Thằng Còn lấy chiếc xe đạp của ông Sáu, đèo con Hà tới cổng bệnh viện thời trời sập tối. Người gác cổng không cho hai đứa vào, vì đã quá giờ thăm bệnh lâu rồi. Thằng Còn phải năn nỉ, viện cớ chỉ được



phép có ngày hôm nay, chúng nó mới được vào. Nhưng khi hai đứa lọt vào tới nơi thì đã muộn. Chúng nó không còn gặp ông Sáu được nữa mà chỉ gặp bà Sáu đang khóc lịm ngoài hành lang, hai bên là hai cô y tá mặc áo choàng trắng đang xốc giữ lấy bà.

Cuộc giải phẫu kết thúc hồi bốn giờ chiều. Bác sĩ phẫu thuật lấy ra khỏi người ông Sáu một mảnh đạn pháo, nhưng không giành lại được sinh mạng ông.

Hồi còn sống, có lần khi nói về sự chết, con người ta nên chôn hay hỏa táng, ông Sáu đã cười bảo bà Sáu : "Con người làm được gì, để lại được gì là nhờ lúc sống. Chết là kể như hết, nên cái vụ hỏa táng coi vậy mà hay !". Câu nói ấy thiệt ra chỉ là câu nói của một người không mấy bận tâm tới cung cách chuyện

hậu sự. Nhưng bà Sáu lại thể theo ý nguyện đó. Sau khi cử hành tang lễ tại nhà, linh cữu ông Sáu được đưa tới khu hỏa táng Phú Lâm trong buổi chiều tà.

Tại ngôi nhà quàn linh cữu của nơi hỏa táng có treo một tấm bảng đen ghi tên họ người chết cùng ngày giờ sẽ thiêu. Tên ông Sáu ở gần dưới cùng, sau ba bốn người khác. Như vậy phải tới hai giờ khuya mới đến lượt, mà bây giờ chỉ mới gần năm giờ. Cuộc phúng điếu và đưa tiễn lần cuối đã diễn ra nơi đây, sau đó mọi người đến trước bà Sáu chia buồn và lần lượt ra về. Chỉ còn lại bà Sáu, chị Lộc, hai anh cán bộ phường, thằng Còn, con Hà với mấy đứa trẻ. Bà Sáu đem theo một chiếc bình cổ có nắp dậy. Bà quyết ở lại tới giờ phút chót, mặc dù cho tới hôm nay bà gần như kiệt sức,

người xanh xao và gầy rạc hẳn đi. Máy anh cán bộ phường lo lắng, ngổ ý muốn bà ra về trước với chị Lộc, nhưng bà vẫn đứng đó, lặng thinh. Thằng Còn và con Hà thương bà Sáu quá, cũng năn nỉ bà về nghỉ, chúng sẽ lãnh trách nhiệm ở lại để lấy phần tro hài cốt ông Sáu. Bà Sáu lặng lẽ đưa cái bình cho thằng Còn, nhưng vẫn không về. Một anh cán bộ phường thấy vậy, mới bàn với chị Lộc :

- Có lẽ tôi phải vô nói với ban điều hành ở đây, đưa ông Sáu lên sớm sớm một chút mới được !

Bà Sáu nghe thế, vội giữ tay anh cán bộ lại, lắc đầu ngHEN ngào :

- Đừng, đừng nên như vậy... Ông nhà tôi không... không muốn như vậy đâu. Máy chú coi, hồi đi xếp

hàng mua gạo, cô bác nhường kêu lên trước, có khi nào ông nhà tôi chịu lên trước đâu...

Con người suốt cả đời luôn cố gắng tiến lên phía trước trong sự đóng góp, cái ông già về hưu mà thoát tiên có người cho là hơi lắm cảm ấy, rốt cuộc cũng lại chẳng lên trước trong sự đón nhận, dù là đón nhận sớm hơn một chút, ngọn lửa hóa thân mình thành tro bụi.

Vào đúng hai giờ khuya đêm hôm đó, khi nắp lò thiêu mở ra để những người giúp việc đưa cỗ hòm vào thì mọi người chột nghe thẳng Còn kêu thét lên một tiếng lớn. Nó vụt nhoài người tới ôm choàng lấy cái hòm mà khóc. Điều lạ lùng là suốt ngày hôm qua cho tới giờ phút ấy, nó không hề khóc, chỉ lẳng lẳng, mắt ráo hoảnh, nhưng bây

giờ nó khóc rống lên, và nó như đang ráng sức níu lại, không muốn để cho cỗ hòm chuỗi qua khung cửa lửa, mở vào bên trong là cả một lò lửa đang rùng rục cháy.

Tháng 10-1981

MỤC LỤC

TRANG

- | | |
|---------------------------------------|-----|
| 1. THUYỀN SẮP ĐẮM | 7 |
| 2. KÝ ỨC TUỔI THƠ | 107 |
| 3. ÔNG GIÀ VỀ HƯU
VÀ NHỮNG ĐỨA TRẺ | 132 |

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

62 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI. FAX: 8229085. ĐT: 8264730-8255831

TRUNG TÂM P.H.S MIỀN TRUNG

17-19 YÊN BÁI-TP ĐÀ NẴNG. FAX: 821246. ĐT: 821246-820252

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG

268 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU-TP. HỒ CHÍ MINH. FAX: 8231867. ĐT: 8291832

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THẮNG VU

Biên tập:

NGUYỄN QUANG LẬP

Trình bày:

PHẠM QUANG VINH

Sửa bài:

HƯỜNG LÝ

Kỹ thuật vi tính:

LÊ VĂN TUẤN

In 5.000 bản-Khổ 10,2x15,2-Tại CÔNG TY IN KHKT
Số XB: 94/KĐA-119/KH-75/CXB cấp ngày 11/1/1997
Mã số ĐV1- In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/1997



Nhà văn
ANH ĐỨC

*"Viết về các
em là một
hạnh phúc
ta có dịp
được tắm
lộc trong
dòng sông
tươi mát."*

Anh Đức

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



DÀNH CHO THIẾU NHI

GIÁ: 3000Đ